



**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (SRV)  
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LIÊN HIỆP QUỐC (UNDP)  
TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP LIÊN HIỆP QUỐC (UNIDO)**

# **Chương trình Phát triển Doanh nghiệp cho Phụ nữ trong lĩnh vực Chế biến Lương thực Thực phẩm tại miền Trung Việt Nam**

**VĂN KIẾN DỰ ÁN  
VIE/01/008**

tháng Chín năm 2001

# CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LIÊN HỢP QUỐC

## Chương trình của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

**Mã số dự án :** VIE/01/008/B/01/37  
**Tên dự án :** Chương trình phát triển doanh nghiệp cho phụ nữ trong lĩnh vực chế biến lương thực thực phẩm tại miền Trung Việt Nam  
**Tên viết tắt của dự án :** Phát triển doanh nghiệp nữ  
**Ngày dự kiến bắt đầu :** 01/10/2001  
**Ngày dự kiến kết thúc :** 30/09/2004  
**Sắp xếp quản lý :** Do cơ quan thực thi  
**Cơ quan thực thi của LHQ :** UNIDO  
**Cơ quan thực hiện của Chính phủ :** Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Đà Nẵng  
**Địa điểm thực hiện dự án :** 3 tỉnh miền Trung Việt Nam: Thừa Thiên -Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam  
**Nước thụ hưởng :** Việt Nam

### Phân loại thông tin

Ngành và ngành phụ ACC: Công nghiệp/Các ngành công nghiệp chế tạo  
Ngành và ngành phụ DCAS : Quản lý nguồn nhân lực/Giáo dục và đào tạo cán bộ quản lý và kỹ thuật  
Ngành và ngành phụ của Chính phủ: Công nghiệp/Các ngành công nghiệp chế tạo  
Các lĩnh vực trọng điểm/tiểu trọng điểm chủ yếu:  
Các lĩnh vực trọng điểm/tiểu trọng điểm thứ yếu :  
Hình thức can thiệp chủ yếu: Xây dựng năng lực  
Hình thức can thiệp thứ yếu: Xây dựng thể chế  
Đối tượng thụ hưởng chủ yếu: Phụ nữ  
Đối tượng thụ hưởng thứ yếu: Phụ nữ

**Ngày xét duyệt LPAC: Ngày xét duyệt BPAC:**

**Cán bộ chương trình:**

### Tóm tắt tài trợ của UNDP và các bên đồng tài trợ khác (theo các biểu ngân sách đính kèm)

UNDP :	US\$
TRAC (1&2)	
TRAC (3)	-
STS	-
Khác	-

Đồng tài trợ :  
Chính phủ :  
Bên thứ ba :  
Tổng :

### Các dịch vụ quản lý hành chính và điều hành

(nếu có)  
SOF 03  
Đồng tài trợ  
Tổng :

Chi phí COA

TỔNG :

### Tài trợ song song với UNIDO/ Quỹ uỷ thác của Bỉ:

**Chính phủ Bỉ :**

Phí dịch vụ

**TỔNG CỘNG :** 594.700

### Đóng góp của Chính phủ (tính bằng tiền Đồng Việt Nam)

(hiện vật)	1.080 triệu
(tiền mặt)	\$

### Tóm tắt dự án:

Trong hai năm 1996-1997, một dự án do UNIDO thực thi tập trung vào việc đào tạo giảng viên và các nhà doanh nghiệp nữ trong lĩnh vực chế biến lương thực thực phẩm đã được triển khai thí điểm tại năm tỉnh miền Bắc Việt Nam. Dự án này đã điều chỉnh một chương trình đào tạo trọn gói được xây dựng từ trước cho phù hợp với yêu cầu của địa phương và xuất bản một giáo trình tổng hợp bằng tiếng Việt. Theo thiết kế của Dự án, chương trình đào tạo và giáo trình này đã lồng ghép việc phát triển doanh nghiệp với hoạt động đào tạo về công nghệ thực phẩm.

Dự án hiện nay được xây dựng trên cơ sở những kinh nghiệm tích lũy được từ dự án thí điểm nêu trên và mở rộng quy mô đào tạo đến miền Trung Việt Nam với một số điều chỉnh nhất định. Trong hơn ba năm, từ 20 đến 25 giảng viên sẽ được đào tạo để sau đó, đến lượt họ, sẽ tổ chức đào tạo lại cho ít nhất 300 nhà doanh nghiệp nữ đang điều hành các hộ doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ hay rất nhỏ thuộc các ngành công nghiệp thực phẩm với mục tiêu tạo việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo. Việc xây dựng thiết kế cho Dự án, lựa chọn và xây dựng năng lực cho các cơ sở tham gia Dự án đều nhằm duy trì được hoạt động đào tạo này ngay cả sau khi Dự án đã kết thúc.

Dự án nhận được tài trợ của Quỹ Phụ nữ trong Phát triển của Nhật Bản do UNDP quản lý và đóng góp của Chính phủ Bỉ do UNIDO trực tiếp quản lý. Tài trợ của Bỉ sẽ dành để mua trang thiết bị và trang trải phần lớn các chi phí liên quan đến hoạt động đào tạo; tài trợ của Nhật Bản sẽ được sử dụng cho các hạng mục còn lại trong ngân sách của Dự án. Dự án sẽ nhận được tài trợ của Bỉ qua một thoả thuận được ký kết trực tiếp giữa Bỉ và UNIDO trước khi nhận được tài trợ của Nhật Bản và sẽ được xem là tài trợ song song.

Thay mặt :	Chữ ký	Ngày	Tên/Chức vụ
Chính phủ	_____	_____	_____
Cơ quan Thực thi	_____	_____	_____
UNDP	_____	_____	_____

# MỤC LỤC

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>A. BỐI CẢNH.....</b>	<b>7</b>
A.1 THÔNG TIN CƠ BẢN.....	7
A.2 MÔ TẢ TIỂU NGÀNH.....	8
A.3 CHIẾN LƯỢC CỦA NƯỚC SỞ TẠI.....	10
A.3.1 Xúc tiến doanh nghiệp tư nhân.....	10
A.3.2 Phụ nữ trong Phát triển.....	11
A.4 HỖ TRỢ KỸ THUẬT CÓ LIÊN QUAN.....	12
A.4.1 Những mối liên kết tiềm năng với các chương trình tính dụng (rất nhỏ).....	12
A.4.2 Chương trình đào tạo các nhà doanh nghiệp.....	13
<b>B. BIỆN MINH CỦA DỰ ÁN.....</b>	<b>13</b>
B.1 NHỮNG VẤN ĐỀ SẼ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT.....	13
B.2 TÌNH HÌNH MONG ĐỢI KHI KẾT THÚC DỰ ÁN.....	16
B.3 ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG MỤC TIÊU.....	17
B.4 CHIẾN LƯỢC CỦA DỰ ÁN VÀ SẮP XẾP THỂ CHẾ.....	17
B.4.1 Thực thi của UNIDO.....	17
B.4.2 Thực hiện và điều phối.....	18
B.4.3 Giáo trình và phương pháp đào tạo.....	18
B.4.4 Cách tiếp cận Đào tạo giảng viên (ToT).....	19
B.4.5 Hợp tác với các cơ sở tín dụng và các chương trình đào tạo khác.....	20
B.5 LÝ DO ĐỂ UNIDO HỖ TRỢ VỚI TƯ CÁCH LÀ CƠ QUAN THỰC THI.....	21
B.6 NHỮNG CÂN NHẮC ĐẶC BIỆT.....	21
B.7 NĂNG LỰC HỖ TRỢ CỦA BÊN ĐỐI TÁC.....	22
<b>C. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN.....</b>	<b>22</b>
<b>D. CÁC MỤC TIÊU TRƯỚC MẮT, KẾT QUẢ ĐẦU RA VÀ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN.....</b>	<b>23</b>
<b>E. ĐÓNG GÓP ĐẦU VÀO.....</b>	<b>27</b>
<b>F. RỦI RO.....</b>	<b>28</b>
<b>G. NHỮNG NGHĨA VỤ VÀ ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT PHẢI HOÀN THÀNH TRƯỚC KHI TRIỂN KHAI DỰ ÁN.....</b>	<b>29</b>
<b>H. KIỂM ĐIỂM, BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN.....</b>	<b>30</b>

<b>I. BỐI CẢNH PHÁP LÝ.....</b>	<b>30</b>
PHỤ LỤC 1 MA TRẬN KHUNG LÓGIC.....	31
PHỤ LỤC 2 KẾ HOẠCH LÀM VIỆC.....	36
PHỤ LỤC 3 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA DỰ ÁN.....	47
PHỤ LỤC 4 MÔ TẢ CÔNG VIỆC.....	39
PHỤ LỤC 5 CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ.....	48
<i>Phụ lục 5.1 - Chức năng nhiệm vụ của Giảng viên (những người tham dự ToT).....</i>	<i>48</i>
<i>Phụ lục 5.2 - Chức năng nhiệm vụ của Học viên của khoá đào tạo phát triển các nhà doanh nghiệp nữ.....</i>	<i>47</i>
PHỤ LỤC 6 NỘI DUNG ĐÀO TẠO (SẼ ĐƯỢC SỬA ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH CHO THÍCH HỢP VỚI CÁC KHOÁ ĐÀO TẠO TẠI CHỨC VÀ ĐÀO TẠO NGẮN HẠN).....	49
PHỤ LỤC 7 TÓM TẮT DỰ ÁN - CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THÍ ĐIỂM CÁC NHÀ DOANH NGHIỆP NỮ TRONG LĨNH VỰC CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM TẠI MIỀN BẮC VIỆT NAM.....	51

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>ADB</b>	- NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á.
<b>CEFE</b>	- KINH TẾ HỌC DỰA TRÊN NĂNG LỰC ĐỂ HÌNH THÀNH CÁC NHÀ DOANH NGHIỆP
<b>COHASIPH</b>	- HỘI ĐỒNG LIÊN MINH CÁC HỢP TÁC XÃ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH HẢI PHÒNG
<b>CUV</b>	- LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM
<b>EDP</b>	- CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP
<b>FAO</b>	- TỔ CHỨC NÔNG NGHIỆP VÀ LƯƠNG THỰC CỦA LIÊN HIỆP QUỐC
<b>HAFREC</b>	- TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM VÀ NGHIÊN CỨU THỰC PHẨM HÀ NỘI
<b>HCMC</b>	- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
<b>HEPR</b>	- CHƯƠNG TRÌNH XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO
<b>IFAD</b>	- QUỸ QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
<b>DPI</b>	- SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
<b>FIRI</b>	- VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
<b>GTZ</b>	- HỖ TRỢ KỸ THUẬT CỦA ĐỨC
<b>MOLISA</b>	- BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH-XÃ HỘI
<b>NCFAW</b>	- ỦY BAN QUỐC GIA VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ
<b>NPM</b>	- CÁN BỘ QUẢN LÝ DỰ ÁN QUỐC GIA
<b>PC</b>	- ỦY BAN NHÂN DÂN
<b>PCC</b>	- BAN ĐIỀU PHỐI DỰ ÁN
<b>PCU</b>	- ĐƠN VỊ ĐIỀU PHỐI DỰ ÁN
<b>RAP</b>	- CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NGƯỜI HỒI HƯƠNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU
<b>RCWE</b>	- TRUNG TÂM NGUỒN LỰC CHO CÁC NHÀ DOANH NGHIỆP NỮ
<b>RRC</b>	- TRUNG TÂM NGUỒN LỰC NÔNG THÔN
<b>RRC Manager</b>	- CÁN BỘ QUẢN LÝ TRUNG TÂM NGUỒN LỰC NÔNG THÔN
<b>SME</b>	- DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ
<b>SNV</b>	- TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN HÀ LAN
<b>STA</b>	- CỐ VẤN TRƯỞNG KỸ THUẬT
<b>ToT</b>	- ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN
<b>UNDP</b>	- CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LIÊN HIỆP QUỐC
<b>UNIDO</b>	- TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CỦA LIÊN HIỆP QUỐC
<b>UNICEF</b>	- QUỸ NHI ĐỒNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC
<b>UNIFEM</b>	- QUỸ PHÁT TRIỂN DÀNH CHO PHỤ NỮ CỦA LIÊN HIỆP QUỐC
<b>UNV</b>	- NHÂN VIÊN TÌNH NGUYỆN LIÊN HIỆP QUỐC
<b>VICOPSME</b>	- HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG LIÊN MINH CÁC HỢP TÁC XÃ VÀ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ CỦA VIỆT NAM
<b>VCCI</b>	- PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
<b>VBP</b>	- NGÂN HÀNG DÀNH CHO NGƯỜI NGHÈO CỦA VIỆT NAM
<b>VFU</b>	- HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
<b>VWU</b>	- HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

## A. BỐI CẢNH:

### A.1 Thông tin cơ bản:

Năm 1994, theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, UNIDO đã tiến hành đánh giá nhu cầu về đào tạo của các nhà doanh nghiệp nữ. Sau khi đã xác định được nhu cầu, một chương trình đào tạo cho doanh nghiệp nữ trong ngành chế biến lương thực thực phẩm ở miền Bắc Việt Nam đã được xây dựng. Năm 1995, dự án này bắt đầu được thực hiện ở 5 tỉnh miền Bắc Việt Nam với hỗ trợ tài chính của Chính phủ Bỉ (xem Phụ lục 7, Tóm tắt Dự án).

Dự án được thực hiện bởi Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Tiểu thủ Công nghiệp và Doanh nghiệp ngoài quốc doanh<sup>1</sup> (COHASIPH), một cơ quan đóng tại Hải Phòng. Trong suốt thời gian từ tháng 10/1996 đến tháng 11/1997, UNIDO đã hỗ trợ cho việc xây dựng và điều chỉnh giáo trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của đất nước và tổ chức tập huấn cho 18 giảng viên và 145 nhà doanh nghiệp nữ ở 5 tỉnh phía bắc. Một khoá bổ sung được tổ chức vào tháng 3/1999. Chương trình đào tạo *có sự tham gia của người dân* này bao gồm những môđun cụ thể về quản lý và kỹ thuật liên quan đến hoạt động chế biến lương thực thực phẩm tại các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ.

Là một phần của dự án, một phòng thực hành đào tạo được trang bị các thiết bị chế biến lương thực phẩm đã được xây dựng tại COHASIPH. Học viên học cách đưa các loại trang thiết bị chế biến lương thực phẩm khác nhau vào sử dụng tại các doanh nghiệp riêng của họ, như thiết bị chiết xuất, đun nấu, pha trộn, khử trùng và niêm phong dùng nhiệt.

Đến giai đoạn cuối của dự án thí điểm, cán bộ đào tạo của các cơ quan khác nhau ở miền Bắc và một số học viên đã được chọn phỏng vấn để tìm hiểu xem liệu chương trình có giúp được không gì cho việc đáp ứng nhu cầu của các nhà doanh nghiệp và liệu các cơ sở liên quan có thu được lợi ích nào không từ chương trình này. Các phát hiện được tóm tắt trong bản báo cáo "Nghiên cứu Truy nguyên" và báo cáo đánh giá chiều sâu<sup>2</sup>. Các công trình nghiên cứu này khẳng định rằng dự án có ích và tất cả các bên tham gia cuộc Họp ba bên lần cuối đều nhất trí cho rằng cần khuyến khích trương lợi ích của một chương trình đào tạo như vậy sang các vùng nông thôn khác ở Việt Nam.

**Dự án thí điểm cho thấy rõ ràng có thể nhân rộng các kinh nghiệm và kết quả của Dự án sang các doanh nghiệp nữ thuộc ngành chế biến lương thực phẩm ở các vùng nông thôn khác của Việt Nam.**

---

<sup>1</sup> COHASIPH là tên tắt cũ của Liên minh hợp tác xã Việt Nam. COHASIPH Hải Phòng nay vẫn còn dùng tên tắt này, nhưng ở tất cả những nơi khác, tổ chức này tự gọi là Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (CUV), CUV trước đây được biết đến dưới tên tắt là VICOSPME.

<sup>2</sup> Cả hai báo cáo nghiên cứu truy nguyên và đánh giá chiều sâu hiện đều có ở Văn phòng UNIDO Hà Nội, Việt Nam.

Dự án mới được xây dựng này tập trung nhiều hơn vào việc **xây dựng năng lực cho các cơ sở đào tạo** ở miền Trung Việt Nam để có thể hỗ trợ lâu dài cho các doanh nghiệp nữ và tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào hoạt động công nghiệp, nhất là ngành chế biến lương thực thực phẩm. Ngành này đặc biệt được chọn vì tạo ra tương đối nhiều giá trị gia tăng so với các hoạt động nông nghiệp khác. Ngành cũng tạo cơ hội tăng thu nhập cho người dân nông thôn vốn sống nhờ vào nông nghiệp. Trọng tâm của Dự án là ba tỉnh miền Trung, vốn được coi là nằm trong số những tỉnh nghèo nhất Việt Nam. Các nhóm đối tượng của Dự án là những phụ nữ muốn bắt tay làm kinh doanh và những doanh nghiệp nữ muốn mở rộng qui mô và nâng cao hiệu quả kinh doanh của mình. Phát triển kinh doanh sẽ củng cố thêm triển vọng tạo việc làm, tăng thu nhập và cuối cùng giúp giảm nghèo.

## **A.2 Mô tả tiểu ngành:**

### *Những mối liên kết sau sản xuất*

Ở Việt Nam, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ yếu và thu hút hơn 80% dân số làm nông nghiệp. Trồng cây lương thực mùa vụ là hoạt động nông nghiệp bao trùm (chiếm 60%), trong đó chủ yếu là lúa gạo. Các tiểu ngành sản xuất thực phẩm quan trọng khác bao gồm nghề cá, chăn nuôi bò sữa và chăn nuôi khác.

Mặc dù sản xuất lúa gạo chiếm ưu thế trong nền nông nghiệp Việt Nam, nhưng từ khi triển khai công cuộc *đổi mới* vào năm 1986, ngành nông nghiệp đã được đa dạng hoá. Các loại thực phẩm như rau, trái cây, ngũ cốc, hạt điều, lạc, dứa và cà phê ngày càng trở nên quan trọng hơn. Đồng thời, sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu cũng xuất hiện trên thị trường Việt Nam tạo ra sự cạnh tranh đối với sản phẩm trong nước. Tuy nhiên, Việt Nam có tiềm năng đáng kể để phát triển nông nghiệp, nghề cá và chăn nuôi, có thể phục vụ cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu, và cần được khai thác nhiều hơn nữa.

### *Công nghiệp kém phát triển ở nông thôn miền Trung Việt Nam*

Chính phủ đã chọn ba vùng kinh tế tập trung để phát triển công nghiệp gọi là các “vùng tam giác”, bao gồm: Hà Nội-Hải phòng-Hải Dương-Quảng Ninh ở phía Bắc, Thành phố HCM- Bình Dương-Đồng Nai-Bà Rịa Vũng Tàu phía Nam và Đà Nẵng-Quảng Nam-Quảng Ngãi ở miền Trung Việt Nam. Tuy nhiên, vùng tam giác miền Trung vẫn hầu như chưa phát triển và chỉ tạo ra 2,4% tổng giá trị sản lượng công nghiệp trong khi hai vùng tam giác còn lại tạo ra đến gần 2/3 tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn quốc. Các hoạt động công nghiệp đặc biệt tập trung quanh các thành phố lớn: theo ước tính, trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp, khu vực thành thị chiếm đến 75-80%, còn khu vực nông thôn chỉ chiếm 20-25%<sup>3</sup>. Chính vì vậy, cần tập trung đào tạo cho khu vực miền Trung vốn chịu nhiều thiệt thòi.

---

<sup>3</sup> Phát triển công nghiệp nông thôn ở Việt Nam — Khuyến nghị cho một chiến lược nhằm tạo việc làm và phát triển cân đối giữa các vùng, UNDP/UNIDO hợp tác với Bộ NNPTNT, 1999.

*Các hộ doanh nghiệp nông thôn tạo được việc làm:*

Như có thể thấy trong Bảng 1, có khoảng 2,2 triệu người dân thành thị và nông thôn có nguồn thu nhập chính từ hoạt động công nghiệp và xây dựng. Ngoài ra, có 2 triệu người dân nông thôn khác có việc làm tạm thời hoặc bán chuyên trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng hay có thêm thu nhập từ các hoạt động này bên cạnh công việc chính là làm nông nghiệp. Có thể kết luận rằng khu vực tư nhân trong nước là khu vực chiếm ưu thế tuyệt đối trong việc tạo ra việc làm trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng ở nông thôn, tạo ra đến 96% tổng số việc làm. Xét từ góc độ tạo việc làm, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò không đáng kể. Vì lẽ đó, trọng tâm của chương trình đào tạo được đặt vào các hộ chuyên (phi nông nghiệp) và hộ kiêm.

**Bảng 1:** Số lao động nông thôn trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng theo loại hình đơn vị sản xuất<sup>3</sup>

Loại hình	Số đơn vị sản xuất	Số lao động bình quân	Tổng số lao động	Tỷ lệ % trên tổng số LĐ
Đầu tư nước ngoài	50	300	15.000	
DN nhà nước	750	200	150.000	4
DN tư nhân <u>a/</u>	23.000	25	575.000	14
Hộ chuyên <u>b/</u>	483.000	3	1.450.000	34
Hộ kiêm <u>b/</u>	2.000.000	1	2.000.000	48
<b>Tổng số</b>			<b>4.200.000</b>	<b>100</b>

a/ chủ yếu gồm các doanh nghiệp chính thức qui mô vừa và nhỏ<sup>4</sup>.

b/ chủ yếu gồm các doanh nghiệp rất nhỏ, nhưng cũng gồm cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

*Ngành chế biến lương thực, thực phẩm:*

36% số đơn vị sản xuất, kể cả hộ doanh nghiệp, là các đơn vị sản xuất lương thực và thực phẩm. Tiếp theo là chế biến các sản phẩm nông nghiệp (ngoài chế biến lương thực, thực phẩm và gỗ) chiếm 16%, chế biến gỗ 15%, dệt và may mặc 13%, sản xuất vật liệu xây dựng 10%. Tổng cộng có khoảng 80% các ngành nghề nông thôn dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên có sẵn trong nước.

Trong nước có khoảng 9.000 đơn vị chế biến lương thực thực phẩm có đăng ký, trong số đó gần một nửa là các nhà máy xay xát gạo thuộc sở hữu nhà nước hoặc hợp tác xã. Các doanh nghiệp chế biến thực phẩm tư nhân chưa phát triển rộng rãi ở Việt Nam, và phần lớn hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh rất nhỏ, chủ yếu do phụ nữ quản lý. Những doanh nghiệp này thường có ít hơn 5 lao động, cá biệt có

<sup>4</sup> Theo Văn kiện 681/CP-KTN của Chính phủ ban hành ngày 20/6/1998, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có số vốn đăng ký tối đa là 5 tỷ đồng (tương đương 387.600 USD tại ngày này) và có ít hơn 200 lao động. Nhóm đối tượng của chương trình đào tạo này của UNIDO/UNDP thậm chí còn là những doanh nghiệp nhỏ hơn nữa, không có vốn đăng ký (nhóm doanh nghiệp rất nhỏ).

đến 10 lao động, và đa số chỉ sử dụng lao động trong gia đình, không thuê người ngoài<sup>4</sup>. Những doanh nghiệp của phụ nữ này sản xuất nhiều loại lương thực thực phẩm tiêu thụ ngay tại địa phương, có thể sử dụng một vài thiết bị kỹ thuật, nhưng trong hầu hết các trường hợp chỉ có vốn đầu tư ít hơn 10 triệu đồng. Một số ví dụ về sản phẩm họ làm ra là: đậu phụ, bánh ngọt, bánh tráng, mì và nước mắm. Họ có nhiều tiềm năng trong việc tạo việc làm.

### **A.3. Chiến lược của nước sở tại:**

Phát triển doanh nghiệp nữ là một bộ phận chủ yếu trong chính sách hiện nay như được nhấn mạnh trong Nghị quyết 31/CP của Chính phủ<sup>5</sup>:

" Việc tạo cơ hội cho phụ nữ để bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng của họ thông qua việc mở rộng các hoạt động đào tạo, đào tạo lại và tạo việc làm là một trong những mối quan tâm chính của Nhà nước và Chính phủ trong nhiều năm qua. Ý tưởng chính ở đây là tăng cường công tác đào tạo, tổ chức và sử dụng cán bộ, và đào tạo lại để họ làm việc tốt hơn".

Chiến lược của nước sở tại liên quan đến việc đào tạo phụ nữ trong phát triển cần được thực hiện ở hai cấp:

- (i) Ở cấp chính sách để xúc tiến và phát triển các doanh nghiệp tư nhân; và
- (ii) Ở cấp thể chế và doanh nghiệp để hỗ trợ cho phụ nữ trong các hoạt động phi nông nghiệp.

Điều này được nêu rõ hơn trong một số tài liệu và tuyên bố chính sách gần đây như "Kế hoạch hành động vì Sự tiến bộ của phụ nữ" của Ủy ban Quốc gia vì Sự tiến bộ của phụ nữ (NCFAW), được thông qua vào tháng 10/1998, và Báo cáo của Nhóm Tư vấn (CG) về phát triển nông thôn vào tháng 12/1998.

#### **A.3.1 Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân:**

Ở cấp độ hỗ trợ chính sách, việc khuyến khích và phát triển các doanh nghiệp tư nhân *chính thức* sử dụng nguyên liệu sẵn có trong nước tạo thành một chiến lược kinh tế quan trọng cho Việt Nam vì:

- Tạo việc làm và tăng thu nhập cho cả hai khu vực nông thôn và thành thị;
- Giới thiệu công nghệ mới (chuyển giao công nghệ);
- Khuyến khích phụ nữ tham gia phát triển công nghiệp;
- Khuyến khích sự phát triển cân đối giữa các vùng;
- Khuyến khích việc chế biến các nguyên liệu có nguồn gốc nông nghiệp để tăng thêm giá trị gia tăng cho các sản phẩm sản xuất trong nước;

---

<sup>5</sup> Phụ nữ và công cuộc "đổi mới" ở Việt Nam, Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1997, trang 212.

- Đẩy mạnh xuất khẩu;
- Gia tăng đầu tư của tư nhân trong nước; và
- Chuyển các hoạt động không chính thức thành các hoạt động chính thức.

Trong bối cảnh này, từ năm 1986, Chính phủ đã thực hiện một loạt chính sách và các biện pháp hỗ trợ đúng đắn như:

- Áp dụng các biện pháp pháp lý xúc tiến đầu tư ngoài quốc doanh;
- Xem xét lại các chính sách phát triển công nghiệp của Chính phủ;
- Định hướng hoạt động của các tỉnh và các cơ quan phát triển khác nhằm khuyến khích doanh nghiệp tư nhân;
- Đẩy mạnh xuất khẩu và các hoạt động đào tạo có liên quan;
- Tiến hành đàm phán để có thêm hỗ trợ kỹ thuật bên ngoài nhằm khuyến khích và phát triển các hoạt động phi nông nghiệp ở nhiều tỉnh khác nhau.

Cần lưu ý rằng việc áp dụng một chiến lược *xúc tiến phát triển công nghiệp nông thôn* được xây dựng rõ ràng là một nhu cầu cấp bách căn cứ vào vai trò quan trọng mà ngành này có thể đảm nhận trong công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam<sup>3</sup>.

### **A.3.2 Phụ nữ trong Phát triển:**

Ở cấp độ *khuyến khích phụ nữ trong phát triển*, Chính phủ Việt Nam cam kết khuyến khích sự hội nhập phụ nữ vào trong quá trình phát triển đất nước mà không phân biệt đối xử. Hiến pháp 1992 nêu rõ “Các công dân nam và nữ đều bình đẳng trong các vấn đề chính trị, xã hội, văn hoá, kinh tế và gia đình” (Điều 54) và “Cán bộ, công nhân, viên chức nam và nữ làm cùng một công việc đều được trả lương như nhau” (Điều 63).

Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập vào năm 1930 là một tổ chức quần chúng của Đảng Cộng sản. Nhiệm vụ của hội là bảo vệ quyền hạn và lợi ích chính đáng và hợp pháp của phụ nữ, đồng thời và tạo điều kiện cho phụ nữ thực hiện công bằng và có thể phát triển. Hội có 11 triệu nữ hội viên. Trong các chương trình ưu tiên của Hội cho giai đoạn 1997-2002, Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam sẽ giải quyết các vấn đề như giáo dục, nâng cao tay nghề, khuyến khích phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hoá gia đình, nghiên cứu khung chính sách và pháp lý liên quan đến phụ nữ.

Thêm vào đó, Chính phủ đã triển khai và hỗ trợ việc thành lập nhiều cơ quan khác để khuyến khích phụ nữ trong phát triển như: Ủy ban Quốc gia vì Sự tiến bộ của phụ nữ (NCFAW); Ban Lao động Nữ giới (Liên đoàn Lao động Trung Ương); Trung tâm Nghiên cứu Gia đình và Phụ nữ (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia); và Trung tâm Nghiên cứu Lao động nữ thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Chính phủ cũng thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật khuyến khích phụ nữ trong phát triển trong khuôn khổ các chương trình hợp tác đa phương (ví dụ ADB, UNDP và UNIDO), hợp tác song phương (ví dụ Canada và Hà Lan), và hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (NGOs) ở nhiều tỉnh.

Tháng 10/1998, Chính phủ thông qua Kế hoạch hành động quốc gia vì Sự tiến bộ của phụ nữ, thừa nhận 11 mục tiêu sau đây vì sự tiến bộ của phụ nữ vào năm 2000:

1. Tạo cơ hội việc làm và các hoạt động tạo thu nhập cho phụ nữ;
2. Bồi dưỡng kiến thức về mọi lĩnh vực cho phụ nữ;
3. Cải thiện các dịch vụ y tế cho phụ nữ và trẻ em;
4. Nâng cao vai trò và địa vị của phụ nữ trong cơ cấu lãnh đạo và quản lý;
5. Bảo vệ và tăng cường quyền của phụ nữ, tạo điều kiện thuận lợi cho họ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động cộng đồng;
6. Nâng cao vai trò của gia đình;
7. Phát triển vai trò của phụ nữ trong việc quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên;
8. Tăng cường thông tin và giao tiếp nhằm nâng cao nhận thức chung về bình đẳng giới tính;
9. Đóng góp vào việc củng cố hoà bình;
10. Tăng cường năng lực của các cơ quan chức năng vì sự tiến bộ của phụ nữ; và
11. Đảm bảo cho trẻ em gái được bảo vệ và phát triển.

#### **A.4 Hỗ trợ kỹ thuật có liên quan:**

##### ***A.4.1 Các mối liên kết tiềm năng với các chương trình tín dụng (rất nhỏ):***

Các chương trình và các dự án hỗ trợ kỹ thuật (HTKT) sau đây cho thấy lợi ích của việc kết hợp chương trình đào tạo doanh nghiệp nữ này với các cơ sở tín dụng của họ, mặc dù chương trình đào tạo sẽ không được thực hiện ở tất cả các tỉnh đề cập dưới đây (ví dụ: Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh):

Chương trình giảm nghèo được UNDP tài trợ “Tăng cường năng lực xoá đói giảm nghèo” bao gồm 6 dự án cấp tỉnh đang thực hiện và 2 dự án đang chờ phê chuẩn. Mục tiêu của các dự án này là tạo thu nhập và xúc tiến các doanh nghiệp rất nhỏ ở nông thôn thông qua việc tổ chức đào tạo ở cấp cơ sở, cung cấp các cơ sở tín dụng và dịch vụ tư vấn.

- UNICEF hỗ trợ các phương án tín dụng và tiết kiệm cho các hoạt động tạo thu nhập ở 25 tỉnh, đã giúp được 60.000 phụ nữ nghèo, và mục tiêu đặt ra là phải giúp được 75.000 người vào năm 2000.
- Chương trình Hỗ trợ của các nước Bắc Âu tại Việt Nam (NAP) đã thực hiện thành công một chương trình tín dụng tại Huế.
- Tại Quảng Bình và Quảng Trị, Tổ chức Phát triển của Hà Lan (SNV) đang triển khai một dự án về “Việc làm phi nông nghiệp có ý thức về giới”, cung

cấp tín dụng rất nhỏ và tổ chức đào tạo về kỹ năng kinh doanh cho phụ nữ. Tỉnh hội phụ nữ địa phương là đối tác của dự án.

- Các dự án của Action Aid và OXFAM Anh ở Hà Tĩnh và của Tổ chức Tâm nhìn Thế giới (WV) ở Quảng Trị và Quảng Nam cũng có các chương trình tín dụng rất nhỏ và tiết kiệm lấy phụ nữ làm đối tượng.

#### **A.4.2 Chương trình đào tạo các nhà doanh nghiệp:**

Như đã đề cập ở phần trước, dự án thí điểm được UNIDO hỗ trợ về “Chương trình đào tạo cho nữ doanh nghiệp trong ngành chế biến lương thực thực phẩm” (US/VIE/94/109) đã được triển khai ở 5 tỉnh phía Bắc với sự tài trợ của Chính phủ Bỉ. Giai đoạn thí điểm này với đối tác là COHASIPH Hải phòng đã kết thúc phần tác nghiệp.

Tổ chức Hỗ trợ Kỹ thuật của Đức (GTZ), thông qua Liên minh Hợp tác xã Việt Nam<sup>1</sup> tại Hà Nội, đang tiến hành một chương trình đào tạo doanh nghiệp trên qui mô toàn quốc lấy phương pháp Kinh tế học dựa trên năng lực để hình thành các nhà doanh nghiệp (CEFE) đã được áp dụng ở nhiều nước đang phát triển làm cơ sở. Đây là một chương trình hữu ích có thể cung cấp những cán bộ đào tạo có kinh nghiệm cho giai đoạn Đào tạo giảng viên (ToT) của dự án này.

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đang thực hiện dự án “Bắt đầu và phát triển công việc kinh doanh của bạn (SIYB)”. Một trong những hoạt động đã được triển khai là tổ chức đào tạo về kinh doanh cho các nhà doanh nghiệp nữ ở miền Trung Việt Nam.

## **B. BIÊN MINH CỦA DỰ ÁN**

### **B.1. Những vấn đề sẽ được giải quyết:**

Những lý do sau đây giải thích vì sao dự án này lại tập trung chủ yếu vào việc đào tạo các nhà doanh nghiệp **nữ**.

- 1) Ở nông thôn, phụ nữ **làm việc nhiều thời gian hơn rất nhiều so với nam giới**, vì mỗi ngày bình quân họ mất 12,5 giờ để làm những công việc được trả công và không công. Một trong những nguyên nhân là hầu hết việc nhà (nuôi con và quản lý công việc gia đình) đều do phụ nữ đảm nhận, họ phải mất đến 3-4 giờ mỗi ngày trong khi nam giới chỉ dành khoảng 15 phút cho những công việc loại này.
- 2) Các nhà doanh nghiệp nữ **ít được đào tạo hơn** so với các nhà doanh nghiệp nam. Thống kê từ năm 1992-1993 trong lĩnh vực công nghệ và công nghiệp cho thấy rằng chỉ có 19,9% các nhà doanh nghiệp nữ đã qua đào tạo trong khi tỷ lệ

này ở các đồng nghiệp nam của họ là 47,2%<sup>6</sup>. Trong khi đó số giờ làm việc trung bình của phụ nữ trong các cơ sở sản xuất cũng bằng số giờ làm việc của nam giới.

- 3) **Lương của phụ nữ làm việc phi nông nghiệp thấp hơn lương của nam giới cùng ngành nghề.** Lý do thứ nhất là vì những hoạt động chủ yếu do phụ nữ làm, ví dụ như chế biến thực phẩm, thêu, may, sản xuất và bán các sản phẩm làm từ cối, mang lại thu nhập thấp hơn so với những hoạt động phi nông nghiệp chủ yếu do nam giới làm như vận hành máy, mộc, cơ khí và giao thông vận tải. Theo khảo sát thực tế, những công việc do phụ nữ làm chỉ được trả từ 5 đến 15.000 đồng/ngày trong khi những công việc của nam giới được trả từ 15 đến 30.000 đồng/ngày<sup>7</sup>. Lý do thứ hai là trong các doanh nghiệp, tình trạng phổ biến là các công việc có thứ bậc cao hơn, vì thế được được trả công cao hơn, chủ yếu do nam giới làm chứ không phải là phụ nữ. Hiện nay, vẫn tồn tại tình trạng phụ nữ bị trả lương ít hơn nam giới tuy cùng làm những công việc như nhau.

Đánh giá tổng quan về ngành sản xuất chế tạo và lương thực thực phẩm cho thấy rằng có đến gần 50% số đơn vị sản xuất là do phụ nữ điều hành nhưng lương bình quân của họ chỉ bằng 72% lương của nam giới<sup>8</sup>.

- 4) Một yếu tố khác mang tính phân biệt đối xử đối với các nhà doanh nghiệp nữ là **giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình thường do người chồng đứng tên.** Điều này có thể gây ra những rắc rối trong trường hợp ly dị hoặc khi cần sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này làm vật thế chấp để đi vay nợ hoặc vì mục đích kinh doanh. Các nhà doanh nghiệp nữ cũng khó tiếp cận được tín dụng chính thức của ngân hàng, vì thủ tục ngân hàng công kênh khó có thể giải quyết được đối với những phụ nữ có trình độ văn hoá thấp như họ.

Các công trình nghiên cứu đánh giá được tiến hành trong suốt giai đoạn dự án thí điểm xác nhận những số liệu thống kê này ở cấp quốc gia. Hơn nữa, kết quả đánh giá cho thấy rất rõ rằng hầu hết các nhà doanh nghiệp nữ thiếu kiến thức để đa dạng hoá sản phẩm của họ, và cảm tưởng nói chung là có thể cải thiện kỹ năng kinh doanh của họ. Ít hoặc không có khả năng tiếp cận tín dụng được xác định là một hạn chế khác mà các nhà doanh nghiệp nữ phải đương đầu.

Cũng có rất nhiều nguyên nhân khiến dự án này lấy trọng tâm là **tiểu ngành chế biến lương thực thực phẩm**:

- 1) Ở Việt Nam, người dân có mối quan hệ rất gắn bó với nông nghiệp, và hiện nay có sự cần thiết phải tạo dựng các **mối liên kết trước sản xuất** nhằm giảm bớt nhu cầu đối với các mặt hàng lương thực thực phẩm đã qua chế biến được nhập

<sup>6</sup> Phụ nữ và Nam giới ở Việt Nam. Tổng cục Thống kê, Hà Nội, 1995, trang 42.

<sup>7</sup> Chuyến khảo sát thực tế này được tiến hành trong khuôn khổ công trình nghiên cứu của UNDP/UNIDO “Phát triển công nghiệp nông thôn ở Việt Nam. Chiến lược phát triển cân đối giữa các vùng và tạo việc làm”, tháng 2/1999.

<sup>8</sup> Việt Nam qua Lăng kính Giới tính. Một công trình nghiên cứu theo kinh nghiệm sử dụng số liệu khảo sát hộ gia đình. Bản tóm tắt. UNDP, Hà Nội, tháng 8/1995, trang 6.

khẩu, đồng thời tăng thêm giá trị gia tăng trong các sản phẩm đầu ra của nông nghiệp nước nhà. Tiểu ngành chế biến này tạo thêm gần 100% giá trị gia tăng cho một số nguyên liệu có nguồn gốc nông nghiệp. Đây là một ngành định hướng xuất khẩu đầy tiềm năng và có thị trường nội địa đang tăng nhanh. Nhờ các cải cách kinh tế, ngành nông nghiệp đã được đa dạng hoá, nhưng thu nhập mà nông dân nhận được cho hoạt động sản xuất của họ vẫn tương đối thấp. Do đó, chế biến nông sản được xem là một ngành ưu tiên để tạo thu nhập cho người dân.

- 2) Theo truyền thống, ở Việt Nam, việc chế biến nông sản đều do **phụ nữ** làm ở cấp hộ gia đình. Theo kết quả khảo sát sơ bộ ở Đà Nẵng, nơi sẽ thành lập trung tâm đào tạo của dự án này, có hàng trăm phụ nữ hiện đang làm việc trong ngành chế biến lương thực thực phẩm dưới hình thức hộ doanh nghiệp.
- 3) Hiện nay, nhiều đơn vị chế biến lương thực thực phẩm quy mô nhỏ không thể cạnh tranh được với các mặt hàng nhập khẩu. Nếu được hỗ trợ kỹ thuật, các nhà doanh nghiệp nữ trong ngành này có thể nâng cao **khả năng cạnh tranh** của mình thông qua chất lượng sản phẩm, quá trình sản xuất cũng như khả năng tiếp thị và quản lý của họ. Tiềm năng tăng trưởng này đã trở nên rõ ràng trong giai đoạn dự án thí điểm. Thị trường dành cho các sản phẩm của ngành chế biến lương thực thực phẩm đang gia tăng cùng với quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh chóng và việc định hướng thị trường cho nền kinh tế quốc gia. Mặc dù có tiềm năng như vậy, việc phát triển ngành này hiện vẫn còn gặp nhiều **hạn chế**:
  - Điều kiện sản xuất trong các hộ doanh nghiệp quy mô nhỏ và rất nhỏ còn nghèo nàn dẫn đến chất lượng sản phẩm còn thấp;
  - Thiếu bí quyết về công nghệ và việc tiếp cận công nghệ tiên tiến bị hạn chế;
  - Thiếu nhận thức về điều kiện vệ sinh trong các đơn vị chế biến lương thực thực phẩm;
  - Thiếu ý tưởng về sản phẩm mới, khả năng phát triển sản phẩm và kỹ năng tiếp thị;
  - Thiếu kỹ năng quản lý;
  - Hạn chế về mặt bằng sản xuất;
  - Hạn chế về khả năng tiếp cận tín dụng.

Cuối cùng, khảo sát thực địa cho thấy rõ ràng miền Trung Việt Nam **hiện chưa có các cơ sở đào tạo thích hợp** để hỗ trợ các hộ doanh nghiệp phát triển. Hiện nay thậm chí còn có nhu cầu lớn hơn đối với **đào tạo đặc thù về tiểu ngành công nghiệp**. Một số ít chương trình đào tạo hiện có chủ yếu tập trung vào đào tạo kỹ năng quản lý chung. Công nghệ thực phẩm, phát triển sản phẩm, chất lượng và vệ sinh sản phẩm hầu như không được đề cập đến.

Nhìn chung, mặc dầu có nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực đã qua đào tạo để hỗ trợ cho các hộ doanh nghiệp, nhưng hiện vẫn thiếu cán bộ đào tạo có đủ trình độ chuyên môn. Dự kiến là chương trình Đào tạo giảng viên được xây dựng trong

khuôn khổ dự án này sẽ giúp hình thành được nguồn nhân lực cần thiết và củng cố được năng lực cho các trung tâm đào tạo có tham gia dự án.

## **B.2. Tình hình mong đợi khi kết thúc Dự án:**

Khi dự án kết thúc, hy vọng sẽ đạt được những thành tựu sau đây:

- Tăng cường năng lực cho **Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng** về quản lý và điều phối những chương trình đào tạo qui mô lớn cho các nhà doanh nghiệp nữ.
- **Một Trung tâm Nguồn lực Nông thôn (RRC)** đóng tại **Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng** được thành lập. Năng lực được củng cố cả về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất cho đào tạo (gồm cả một cơ sở thực hành công nghệ lưu động). **Tối thiểu có 2 đến 3 giảng viên đã qua đào tạo** được biệt phái đến làm việc và tiếp tục mở các khoá đào tạo tại Trung tâm này.
- **Các mô đun đào tạo** bằng tiếng Việt và tiếng Anh **đã được điều chỉnh** cho phù hợp với nhu cầu địa phương.
- **Tối thiểu có 20-25 giảng viên đã qua đào tạo được biệt phái đến làm việc tại các cơ sở ở 3 tỉnh** (ít nhất có 50% số giảng viên này là nữ). Giữa Dự án và các cơ quan đối tác sẽ có một Biên bản Ghi nhớ. Các giảng viên đã qua đào tạo của các cơ quan khác đã tham gia triển khai các khoá đào tạo trong khuôn khổ dự án này.
- **Tối thiểu có 300 nhà doanh nghiệp nữ** trong ngành chế biến lương thực thực phẩm ở qui mô nhỏ và rất nhỏ đã được đào tạo ở ba tỉnh. Doanh thu, thu nhập, và/hoặc đầu tư vốn của các doanh nghiệp đã được cải thiện đáng kể theo đánh giá của nghiên cứu truy nguyên. Tạo thêm được công ăn việc làm.
- Một số nhà doanh nghiệp nữ đã qua đào tạo tiếp cận được với tín dụng của các chương trình tín dụng rất nhỏ (quốc tế) và/hoặc của các các quỹ quốc gia do kỹ năng và công việc kinh doanh của họ đã được cải thiện và do có các Biên bản Ghi nhớ với các cơ sở tín dụng có liên quan.
- Trung tâm Nguồn lực Nông thôn có tiềm năng để có thể nhân rộng ra các tỉnh khác (trong năm thứ hai, khả năng mở thêm hai Trung tâm Nguồn lực Nông thôn sẽ được khảo sát bởi tất cả các bên liên quan để phân cấp quản lý các hoạt động của dự án và tiếp cận tốt hơn phụ nữ ở bốn tỉnh khác với điều kiện là có nguồn quỹ bổ sung).
- Mạng lưới các nhà doanh nghiệp nữ (không chính thức) đã được thành lập.

### **B.3. Đối tượng thụ hưởng mục tiêu:**

**Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng:** Dự án sẽ xây dựng năng lực thực hiện các chương trình đào tạo cho phụ nữ về phát triển doanh nghiệp và công nghệ chế biến lương thực thực phẩm. Dự án cũng sẽ củng cố năng lực tổ chức các chương trình hỗ trợ kỹ thuật.

**Các giảng viên chuyên nghiệp:** Dự án sẽ đào tạo 20 - 25 giảng viên (tối thiểu có 50% là nữ) làm việc cho Hội Phụ nữ Đà Nẵng và các cơ quan có liên quan khác (xem Phụ lục 5.1: Chức năng nhiệm vụ của giảng viên)

**Các nhà doanh nghiệp nữ tham gia chế biến lương thực thực phẩm ở các tỉnh mục tiêu:** Dự án sẽ đào tạo ít nhất 300 nhà doanh nghiệp nữ tại 3 tỉnh trong 3 năm (xem Phụ lục 5.2: Chức năng nhiệm vụ của học viên). Phụ nữ sẽ tham gia làm việc trong các đơn vị chế biến nông sản quy mô nhỏ cấp hộ gia đình hoặc các đơn vị sản xuất độc lập. Một số người trong số họ có tiềm năng sẽ tiến tới thành lập các doanh nghiệp chính thức quy mô vừa và nhỏ. Việc liên kết với các cơ sở tín dụng sẽ được khuyến khích.

### **B.4. Chiến lược của dự án và Bố trí thể chế**

#### ***B.4.1 UNIDO thực thi:***

Dự án này sẽ do UNIDO thực thi, chủ yếu là do phía đối tác hiện còn thiếu năng lực và kinh nghiệm quản lý dự án kiểu này:

- Miền Trung trước đây ít có các dự án phát triển quốc tế. Ở đây cơ sở hạ tầng về thể chế yếu kém, và các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ chưa phát triển tốt. Mặc dù có rất nhiều doanh nghiệp nhỏ, rất nhỏ và hộ doanh nghiệp, cho đến nay vẫn chưa có một chương trình nào thuộc kiểu này và với quy mô này được triển khai ở miền Trung Việt Nam.
- Đây là một dự án được phân cấp đòi hỏi có sự điều phối trên phạm vi rộng giữa cơ quan thực hiện (Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng), trung tâm tài nguyên nông thôn và ba tỉnh sẽ có hoạt động đào tạo của Dự án. Ngoài ra, sự phối hợp giữa các chương trình song phương, đa phương và UNIDO phải được quản lý. Năng lực điều phối dự án kiểu này hiện vẫn chưa có. Năng lực điều phối này của các cơ quan trong nước sẽ được củng cố để giúp họ tự thực hiện các hoạt động tiếp theo một cách bền vững sau khi dự án đã kết thúc.
- UNIDO có một mạng lưới tốt phục vụ cho việc tuyển chọn các chuyên gia quốc tế và trong nước có kinh nghiệm. Sau Dự án thí điểm, UNIDO cũng đã xây dựng xong các giáo trình đào tạo phù hợp với tình hình của Việt Nam, các tài liệu thích hợp khác và bí quyết kỹ thuật.

#### ***B.4.2 Thực hiện và điều phối:***

Cơ cấu tổ chức của dự án được trình bày trong Phụ lục 3 và được làm rõ thêm như sau:

- Trước tiên, một **Trung tâm Nguồn lực Nông thôn (RRC)** sẽ được thành lập tại **Trung tâm đào tạo của Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng**. Trung tâm này sẽ tổ chức các khoá đào tạo ở các quận/huyện khác nhau ở ba tỉnh (vì thiết bị sử dụng cho công nghệ chế biến lương thực thực phẩm có thể di chuyển được).
- Việc thực hiện và điều phối dự án sẽ do một **Đơn vị điều phối dự án (PCU)** nhỏ đóng tại Trung tâm Nguồn lực Nông thôn của **Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng** đảm nhiệm. Đơn vị PCU/RRC Đà Nẵng này sẽ điều phối và tổ chức các khoá đào tạo, và sẽ tổ chức ít nhất hai khoá đào tạo giảng viên (ToT).
- Dự án sẽ được quản lý theo cơ cấu biên chế như sau:
  - + Một Giám đốc dự án quốc gia(NPD), đại diện cho Chính phủ;
  - + Một Cán bộ quản lý dự án quốc gia (NPM), làm việc chuyên trách cho dự án và có trình độ, và một Cố vấn Trưởng Kỹ thuật (CTA), cùng đóng tại Đà Nẵng, nhưng sẽ thực hiện các chuyến công tác riêng biệt, sẽ cùng quản lý Dự án. Cán bộ quản lý dự án quốc gia là người đứng đầu đơn vị PCU/RRC Đà Nẵng và sẽ giám sát các hoạt động.
  - + Đội ngũ nhân viên hỗ trợ (thư ký/phiên dịch), lái xe.

#### ***B.4.3 Giáo trình và phương pháp đào tạo:***

- **Chương trình và giáo trình đào tạo sẽ được điều chỉnh và cải tiến cho phù hợp với thực tế địa phương.** Phụ lục 6 trình bày khái quát về giáo trình đào tạo hiện có. Những **môđun** đào tạo thích hợp trong chương trình đào tạo trọn gói sẽ được xây dựng trên cơ sở kết quả đánh giá nhu cầu của các nhà doanh nghiệp nữ ở miền Trung Việt Nam do Dự án tiến hành, có lẽ sẽ bao gồm, *bên cạnh các nhu cầu khác*, những nhu cầu về phát triển sản phẩm, tiếp thị và quản lý, quản lý môi trường và sản xuất sạch hơn, thúc đẩy các đơn vị hộ gia đình phát triển thành các doanh nghiệp có cơ cấu tổ chức hẳn hoi, các chương trình nâng cao và dịch vụ tư vấn cho giảng viên. Thời gian của các chương trình đào tạo sẽ còn được cân nhắc tiếp: có thể là ba tuần, một tuần, hoặc thậm chí là các môđun đào tạo buổi tối. Thời gian chính xác của các khoá học sẽ được xác định dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu (xem B.6 - Nhận thức về giới). Như có thể thấy từ dự án thí điểm, phần lớn nhóm mục tiêu được bắt đầu từ trình độ phát triển và kỹ năng rất thấp. Tuy nhiên, ở Đà Nẵng, có thể tổ chức khoá đào tạo sáu tuần một hoặc hai lần cho một nhóm đối tượng nhỏ đặc biệt gồm các nhà doanh nghiệp có trình độ cao hơn (là chủ của các doanh nghiệp vừa và nhỏ chính thức hiện đang có, và các

doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa chính thức nhưng có mong muốn trở thành doanh nghiệp chính thức).

- **Một Trung tâm đào tạo công nghệ** sẽ được thành lập tại đơn vị PCU/RRC Đà Nẵng để phục vụ cho chương trình đào tạo về công nghệ thực phẩm. Chính phủ sẽ cung cấp văn phòng làm việc, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, cung cấp nước máy, hệ thống thoát nước và điện thấp sáng đầy đủ cho các địa điểm thực hành công nghệ. Trung tâm đào tạo này sẽ được sử dụng để trình diễn phân nội dung thực hành trong chương trình đào tạo, sản xuất một số sản phẩm mẫu nhất định, đồng thời trình diễn các vấn đề về vệ sinh, sức khỏe và an toàn, và môi trường. Hầu hết các thiết bị đều **phù hợp và có thể di chuyển**, vì vậy có thể chuyển đến các khoá học ở các quận, huyện và xã khác. Một khuyến nghị của dự án thí điểm là nên giảm thiểu các trung tâm đào tạo chỉ gồm các phòng học được trang bị các thiết bị cố định và đắt tiền. Chi phí bảo dưỡng, phòng học thoáng mát, nước sinh hoạt, điện và hệ thống thoát nước sẽ thuộc trách nhiệm của bên đối tác/Chính phủ.
- Do thực tế là nhóm mục tiêu còn rất nghèo và các nhà doanh nghiệp nữ ở nông thôn có rất ít kinh nghiệm về đào tạo, nên trong thời gian đầu, họ sẽ được miễn học phí đào tạo. Tuy nhiên, để tăng cường tính bền vững của dự án, việc thu phí đào tạo sẽ được áp dụng từ năm thứ ba đến chừng mực có thể. Điều này cũng được xem là sẽ khuyến khích tinh thần mạo hiểm kinh doanh của các nhà doanh nghiệp nữ.

#### ***B.4.4 Cách tiếp cận Đào tạo giảng viên (ToT)***

- Ở miền Trung, giảng viên sẽ được đào tạo tại Trung tâm PCU/RRC thuộc Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng. **Trung tâm PCU/RRC Đà Nẵng sẽ tổ chức hai khoá đào tạo cho 20-25 giảng viên (ít nhất có 50% là nữ giới)**. Các cán bộ đào tạo người Việt Nam sẽ tiến hành các khoá đào tạo này với sự hỗ trợ của Cố vấn Trưởng Kỹ thuật (CTA) và Cán bộ quản lý Dự án Quốc gia (NPM). Dự án sẽ tham khảo các chương trình đào tạo khác, ví dụ của VCCI, GTZ, SNV, FIRI, để tìm ra những cán bộ đào tạo giỏi nhất cho các khoá đào tạo này.
- Trung tâm PCU/RRC Đà Nẵng sẽ phân công ít nhất 2 hoặc 3 cán bộ của họ tham gia vào khoá Đào tạo giảng viên. Những giảng viên mới qua tập huấn sẽ đảm bảo lòng nhiệt tình/cam kết của mình trong việc cộng tác chặt chẽ và lâu dài với hai trung tâm (Xem Phụ lục 5.1: Chức năng nhiệm vụ của Giảng viên).
- Dự án sẽ tổ chức đào tạo cho tối thiểu 300 nhà doanh nghiệp nữ trong lĩnh vực chế biến lương thực thực phẩm ở ba tỉnh (Xem Phụ lục 5.2: Chức năng nhiệm vụ của học viên). Mục tiêu của dự án là mở rộng qui mô để đào tạo được nhiều nhà doanh nghiệp nữ hơn nữa ở tầm dài hạn.

#### ***B.4.5 Hợp tác với các cơ sở tín dụng và các chương trình đào tạo khác:***

##### ***Tiếp cận tín dụng:***

Củng cố khả năng tiếp cận nguồn tín dụng rất nhỏ là một trong những khuyến nghị chính của dự án thí điểm. Kết quả nghiên cứu truy nguyên của dự án trước đây cho biết rằng thiếu tín dụng là nguyên nhân khiến việc nâng cấp công nghệ chỉ đạt hiệu quả thấp (5%). Thật vậy, tất cả các cá nhân và tổ chức khi được tham khảo ý kiến đều nói rằng những lợi ích do hoạt động đào tạo đem lại sẽ bị lãng phí nếu họ không tiếp cận được tín dụng.

Vì vậy, để khuyến khích tính bền vững, các mối liên kết sẽ được thiết lập với các cơ sở tín dụng được điều hành bởi các ngân hàng ở cấp quốc gia, như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng dành cho người nghèo của Việt Nam. Các ngân hàng này điều hành các quỹ như:

- + Quỹ Xoá đói Quốc gia;
- + Quỹ Giải quyết việc làm Quốc gia;

Đối tác là Hội Liên Hiệp Phụ nữ có thể giúp các nhà doanh nghiệp giải quyết các thủ tục phức tạp để có thể tiếp cận được các cơ sở tín dụng này. Ví dụ, Thành hội Phụ nữ Huế có tiếng là cung cấp được những dịch vụ có chất lượng tốt trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, nhìn chung người dân nghèo nông thôn rất khó vay được tín dụng, một phần do thủ tục rườm rà và một phần do ngân hàng thiếu lòng tin đối với họ (vì không có vật thế chấp).

Mối liên kết với các chương trình hỗ trợ kỹ thuật về tín dụng rất nhỏ cũng sẽ được thiết lập, ví dụ như các dự án đã thể hiện mối quan tâm của UNDP và SNV ở Quảng Bình và Quảng Trị (Xem A.4.1: Các mối liên kết tiềm năng với các chương trình tín dụng rất nhỏ).

##### ***Các chương trình đào tạo khác***

Việc hợp tác với các chương trình đào tạo khác có thể diễn ra theo nhiều cách khác nhau. Nếu cần, sự hợp tác này có thể được chính thức hoá bằng một Biên bản Ghi nhớ.

Các Trung tâm Nguồn lực Nông thôn (RRC) sẽ tham vấn các cơ sở/chương trình đào tạo khác để:

1. **Lựa chọn cán bộ đào tạo cho khoá Đào tạo giảng viên.** Họ sẽ phải là những cán bộ đào tạo có kinh nghiệm nhất ở Việt Nam, đã quen thuộc với phương pháp đào tạo có sự tham gia của người dân và có kinh nghiệm trong việc đào tạo về kinh doanh và công nghệ chế biến lương thực thực phẩm.
2. **Lựa chọn những người tham gia chương trình Đào tạo giảng viên** (Phụ lục 5.1 nêu Chức năng nhiệm vụ). Các giảng viên đã qua tập huấn là người của các cơ quan khác sẽ tham gia dưới hai hình thức: hoặc là đảm nhiệm một số giờ tập

huấn trong khuôn khổ dự án này của UNDP và/hoặc UNIDO (như có thể áp dụng với hai hợp phần UNDP/Quỹ ủy thác của Nhật Bản và UNIDO/Belgium của dự án này), hoặc sử dụng kỹ năng đào tạo đã có để tổ chức tập huấn thay mặt cho cơ quan/chương trình hỗ trợ kỹ thuật riêng của họ (cũng xem phần B.4.4).

- 3. Lựa chọn các nhà doanh nghiệp nữ trong ngành chế biến lương thực thực phẩm để đào tạo** (Phụ lục 5.2 nêu Chức năng nhiệm vụ). Như đã nêu trước đây, tình hình lý tưởng là đào tạo các nhà doanh nghiệp nữ đã hoặc sẽ vay được tín dụng từ các chương trình khác, và trung tâm RRC sẽ ưu tiên tổ chức đào tạo tại những huyện này.

### **B.5. Lý do để UNIDO hỗ trợ với tư cách là cơ quan thực thi:**

UNIDO có chuyên gia kỹ thuật và kinh nghiệm trong việc xây dựng các chương trình đào tạo riêng cho các tiểu ngành tại nhiều nước đang phát triển. UNIDO cũng chú trọng sự hội nhập của phụ nữ vào quá trình phát triển công nghiệp, sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các vấn đề về quản lý môi trường. Đội ngũ chuyên gia kỹ thuật này sẽ được tận dụng bằng cách liên kết dự án này với các dự án khác của UNIDO hiện đang tiến hành ở Việt Nam, trong đó đáng chú ý là :

- Trung tâm sản xuất sạch quốc gia của Việt Nam (US/VIE/96/063)
- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (US/VIE/95/004)
- Phát triển công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và thu nhập (VIE/98/022).

### **B.6. Những cân nhắc đặc biệt:**

Chương trình đào tạo cũng sẽ cân nhắc vấn đề *sản xuất sạch hơn* bằng cách đưa các vấn đề về vệ sinh, môi trường làm việc an toàn/lành mạnh, tiết kiệm năng lượng và quản lý chất thải vào trong nội dung đào tạo. Các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ ở nông thôn thường làm cho môi trường bị ô nhiễm trầm trọng do số lượng doanh nghiệp lớn, trình độ công nghệ thấp và do nằm quá gần khu dân cư. Tình trạng ô nhiễm không khí và nguồn nước, chất thải rắn nguy hiểm và chất thải năng lượng nằm trong số những vấn đề nảy sinh. Vì thế, dự án sẽ được kết hợp với Trung tâm Sản xuất sạch quốc gia của Việt Nam, là nơi, theo yêu cầu, có thể tổ chức các hội thảo và/hoặc các khoá đào tạo ngắn hạn về sản xuất sạch hơn với điều kiện là có kinh phí.

Nhận thức về giới cũng sẽ được đưa vào nội dung đào tạo. Việc xây dựng tính quyết đoán và tự tin cũng sẽ được chú trọng trong các khoá đào tạo, như đã nêu trong giáo trình đào tạo. Song song với hoạt động này, trung tâm RRC có thể cố gắng cung cấp các dịch vụ tư vấn và cố vấn về kinh doanh cho các nhà doanh nghiệp nữ và cho những người khác trong cộng đồng trên cơ sở có tính phí dịch vụ.

## **B.7. Năng lực hỗ trợ của đối tác:**

Việc lựa chọn cơ quan thực hiện dự án này được tiến hành dựa trên các tiêu chí sau:

- Kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ then chốt có thể tham gia vào dự án;
- Kinh nghiệm đào tạo;
- Khả năng tiếp cận các cơ sở đào tạo;
- Khả năng tiếp cận nhóm mục tiêu;
- Mạng lưới cơ sở tín dụng.

### **Cơ quan thực hiện dự án: Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng cộng tác với Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng**

Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng đã được chỉ định là cơ quan đối tác cho một dự án quốc gia về Đào tạo doanh nghiệp nữ. Họ không có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án quốc tế, nhưng họ đã tự quản lý các hoạt động đào tạo ở cấp quốc gia của mình. Họ đã và đang thực hiện chương trình tín dụng nhỏ của riêng họ. Họ có một mạng lưới cơ sở rộng lớn ở nông thôn, có khả năng tiếp cận tốt các nhà doanh nghiệp nữ cả ở cấp huyện lẫn cấp cộng đồng.

**Trung tâm dạy nghề của Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng** có thể tiếp nhận Trung tâm Nguồn lực Nông thôn. Trung tâm này có đầy đủ phương tiện đào tạo và được quản lý bởi một cán bộ đào tạo có kinh nghiệm làm việc chuyên trách cho trung tâm. Ít nhất có một dự án quốc tế đã ký hợp đồng thuê trung tâm tổ chức dạy nghề. Khu vực thích hợp cho đào tạo kỹ thuật cần được mở rộng và tân trang lại theo các yêu cầu được giải thích trong phần B.4.3.

Trung tâm Nguồn lực Nông thôn giàu tiềm năng:

- **Tỉnh hội Phụ nữ Quảng Nam** giàu kinh nghiệm đào tạo và hiện có năng lực thực hiện các dự án quốc tế. Họ đang thiết lập một mạng lưới cán bộ đào tạo cấp huyện có kinh nghiệm về tổ chức tập huấn ở vùng sâu vùng xa. Họ cũng có phương tiện để tiến hành đào tạo đại trà.

## **C. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN :**

Các nhà doanh nghiệp nữ trong ngành chế biến lương thực thực phẩm đóng góp ngày càng nhiều vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội ở miền Trung để giảm nghèo.

*Tiêu chí thành công: 1/ Số doanh nghiệp được cải thiện; 2/ Số doanh nghiệp mới; 3/ Tỷ lệ doanh nghiệp vẫn duy trì được lợi tức và tình hình cải thiện; 4/ Tỷ lệ doanh nghiệp mới thành lập và đang tồn tại.*

## **D. CÁC MỤC TIÊU TRƯỚC MẮT, SẢN PHẨM ĐẦU RA VÀ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN:**

### **D.1. Mục tiêu trước mắt số 1:**

Năng lực thực hiện dự án của Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng được củng cố.

*Tiêu chí thành công:*

*Các hoạt động của dự án được thực hiện tốt và đúng tiến độ.*

*Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng hài lòng với dịch vụ và giáo trình do dự án cung cấp.*

*UNDP/UNIDO/Chính phủ hài lòng với hoạt động và những tiến bộ của các Chi hội Phụ nữ.*

### **Các hoạt động:**

**1.1** Thành lập Đơn vị Điều phối dự án trung ương/Trung tâm Nguồn lực Nông thôn tại Trung tâm Dạy nghề của Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng :

- Tìm kiếm và tuyển dụng đội ngũ cán bộ người Việt Nam cho PCU/RRC Đà Nẵng trên cơ sở Phụ lục Mô tả công việc của Văn kiện dự án;
- Tìm kiếm và tuyển dụng đội ngũ cán bộ quốc tế Nhân viên người nước ngoài như đã nêu trong tài liệu của văn kiện dự án;
- Bổ nhiệm cán bộ của Hội Phụ nữ sẽ làm việc bán chuyên cho dự án;
- Lập văn phòng, mua sắm trang thiết bị văn phòng (tận dụng những đóng góp bằng hiện vật của Chính Phủ).

**1.2** Áp dụng các quy trình quản lý hành chính của UNIDO vào việc thực hiện dự án- UNIDO Hà Nội sẽ tổ chức tập huấn một ngày cho cán bộ người Việt Nam về các luật lệ và quy định của UNIDO.

**1.3** Thành lập Ban Điều hành dự án, tổ chức họp với Ban điều hành (họp nửa năm một lần, xem phần H- Kiểm điểm, Báo cáo và Đánh giá Dự án).

### **D.2. Mục tiêu trước mắt số 2:**

Năng lực của Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng trong việc điều hành các Trung tâm đào tạo của Hội Phụ nữ và tổ chức đào tạo cho các nhà doanh nghiệp nữ về quản lý các doanh nghiệp vừa và nhỏ và về công nghệ chế biến lương thực thực phẩm ở ba tỉnh miền Trung được củng cố.

*Tiêu chí thành công: Số khoá tập huấn mà cán bộ đào tạo tổ chức được trong quá trình thực hiện và sau khi Dự án kết thúc (cả khi có và không có hỗ trợ của Trung tâm Nguồn lực Nông thôn Đà Nẵng)*

### **Kết quả 2.1:**

- Hai khoá Đào tạo giảng viên được tổ chức cho ít nhất 20-25 người (tối thiểu 50% là phụ nữ)
- Ít nhất có 2-3 cán bộ đào tạo làm việc cho Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng đã qua tập huấn của Dự án.
- Ít nhất có 20 cán bộ đào tạo của các cơ quan khác đồng ý tham gia đào tạo trong khuôn khổ Dự án này.

### **Các hoạt động:**

**2.1.1** Chọn cán bộ đào tạo và học viên cho các khoá Đào tạo giảng viên trên cơ sở các tiêu chí nêu trong Phụ lục 5. Lập danh sách cán bộ đào tạo đã qua tập huấn về phát triển doanh nghiệp và công nghệ thực phẩm của các dự án Hỗ trợ kỹ thuật và các tổ chức khác.

**2.1.2** Tổ chức hai khoá Đào tạo giảng viên có ít nhất 50% số người tham gia là phụ nữ.

### **Kết quả 2.2:**

- Xây dựng xong chương trình đào tạo doanh nghiệp nữ;
- Thiết bị trình diễn chế biến lương thực thực phẩm đã được mua;
- Sách hướng dẫn hiện có dành cho cán bộ đào tạo của UNIDO đã được sửa lại thành các mô đun đào tạo linh hoạt để đáp ứng được nhu cầu của các nhà doanh nghiệp nữ ở miền Trung;
- Tổ chức được ít nhất năm khoá đào tạo thí điểm, và cán bộ đào tạo có đủ trình độ để tập huấn cho các nhà doanh nghiệp nữ.

### **Các hoạt động:**

**2.2.1** Nghiên cứu nhu cầu về đào tạo của các nhà doanh nghiệp nữ trong lĩnh vực chế biến lương thực thực phẩm ở miền Trung (ví dụ họ là ai, họ sản xuất gì, nhu cầu đào tạo của họ là gì, thời gian và nguồn tài chính mà họ có, v.v...). Khi thực hiện việc này có tham khảo các dự án hỗ trợ kỹ thuật khác, các cơ quan nghiên cứu và phát triển và các hiệp hội ngành nghề. Cũng tiến hành khảo sát những phụ nữ (làm kinh doanh) đã tiếp cận được các cơ sở tín dụng ở miền Trung và nghiên cứu xem liệu họ có muốn được đào tạo trong khuôn khổ dự án này hay không. Sử dụng thông tin này để đặt mục tiêu cho các khóa đào tạo vào các huyện có các cơ sở tín dụng hoạt động tốt.

**2.2.2** Nghiên cứu các chương trình huấn luyện của các chương trình/tổ chức trong nước và quốc tế khác trong lĩnh vực phát triển doanh nghiệp (nữ), như của OXFAM, ILO, GTZ, SNV, FIRI, v.v..., và so sánh giáo trình và phương pháp đào tạo của họ với giáo trình “Chương trình đào tạo cho các nhà doanh nghiệp nữ trong công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm” của UNIDO. Việc này bao gồm cả việc xây dựng một hệ thống theo dõi và đánh giá để đánh giá ảnh hưởng của các khóa đào

tạo, ví dụ như thông qua các phiếu điều tra và nội dung phỏng vấn (Xem phần H: Kiểm điểm, Báo cáo và Đánh giá Dự án).

**2.2.3** Điều chỉnh giáo trình và xây dựng các môđun phù hợp với tình hình các nhà doanh nghiệp nữ ở miền Trung. Thiết kế các môđun đào tạo doanh nghiệp cho các khoá đào tạo chuyên môn cả ngắn và dài hạn trên cơ sở đánh giá nhu cầu (Xem B.4.3).

**2.2.4** In ấn giáo trình đào tạo.

**2.2.5** Tổ chức ít nhất năm khoá đào tạo thí điểm để thử nghiệm và điều chỉnh các môđun đào tạo.

**2.2.6** Tìm và mua thiết bị chế biến lương thực thực phẩm cho PCU/ RRC Đà Nẵng với sự cộng tác của các chuyên gia từ các tổ chức như FIRI, COHASIPH, Đại học Kinh tế Đà Nẵng và Trường trung cấp Công nghệ nông nghiệp và chế biến lương thực thực phẩm Đà Nẵng. Trọng tâm sẽ là những thiết bị có thể di chuyển được (Xem B.4.3)

### **Kết quả 2.3:**

Ít nhất có 300 nhà doanh nghiệp nữ được đào tạo, việc thu phí đào tạo được từng bước áp dụng (trong năm thứ 3) đến chừng mực có thể để trang trải chi phí đào tạo.

### **Các hoạt động:**

**2.3.1** Nghiên cứu cách xác định các nhà doanh nghiệp nữ sẽ tham gia đào tạo và chọn ra những người thích hợp nhất (Cũng xem Phụ lục 5.2 - Tiêu chí về học viên).

**2.3.2** Xây dựng kế hoạch làm việc cho việc triển khai chương trình đào tạo ở ba tỉnh. Các khoá đào tạo sẽ được tổ chức tại PCU/RRC Đà Nẵng và các địa điểm thích hợp khác ở Đà Nẵng, đồng thời cũng được tổ chức ở các tỉnh khác (nhờ công nghệ chế biến thực phẩm lưu động). Các khoá đào tạo có nội dung và thời gian linh hoạt (tùy thuộc vào nhu cầu thực tế), và cũng có thể tổ chức hội thảo ngắn vào buổi tối. Ngoài ra, có thể tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức với sự tham gia của những người chồng nhằm nâng cao khả năng chấp nhận và hiểu biết của họ về các khoá đào tạo này.

**2.3.3** Nghiên cứu phương thức trang trải chi phí đào tạo trên cơ sở đồng tài trợ giữa dự án và những người tham gia, và theo dõi quá trình này trong suốt thời gian thực hiện dự án. Chi phí xây dựng các môđun đào tạo khác nhau sẽ khác nhau tùy theo tình hình tài chính thực tế của nhóm mục tiêu và nhu cầu đặt ra cho khoá đào tạo. Sẽ ưu tiên tổ chức đào tạo cho các nhà doanh nghiệp (nữ) đã được đưa lên từ cấp cơ sở nhờ các tổ chức phát triển khác - là đối tượng thụ hưởng tín dụng rất nhỏ.

**2.3.4** Tổ chức một cuộc hội thảo mà trong số những người tham dự có cán bộ của PCU/RRC Đà Nẵng, của các cơ quan/chương trình Hỗ trợ kỹ thuật khác và các chuyên gia để xây dựng các hướng dẫn về cơ chế, hoạt động và nguồn lực cần có để Trung tâm Nguồn lực Nông thôn có thể tiếp tục phát triển bền vững sau khi Dự án kết thúc.

### **D.3. Mục tiêu trước mắt số 3:**

Năng lực của Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng được tăng cường nhằm duy trì một mạng lưới năng động gồm các nhà doanh nghiệp, cơ sở tín dụng và tổ chức đào tạo để tiếp tục hỗ trợ cho các nhà doanh nghiệp nữ trong việc quản lý các doanh nghiệp vừa và nhỏ và công nghệ chế biến lương thực thực phẩm ở ba tỉnh miền Trung.

*Tiêu chí thành công:*

- *Các hoạt động được tiến hành trong suốt quá trình thực hiện và sau khi hoàn thành dự án;*
- *Số các nhà doanh nghiệp đã qua đào tạo tham gia vào các mạng lưới không chính thức và/hoặc các hiệp hội ngành nghề do các chi hội Phụ nữ đề xướng;*
- *Các nhà doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ do các Trung tâm Nguồn lực Nông thôn cung cấp (ngoài đào tạo), chủ yếu là cung cấp thông tin về cách tiếp cận các cơ sở tín dụng và tư vấn kinh doanh.*

#### **Kết quả 3.1:**

Cán bộ đào tạo từ các cơ quan khác tham gia đào tạo cho các nhà doanh nghiệp nữ (sau khi tham dự các khoá Đào tạo giảng viên).

#### **Các hoạt động:**

**3.1.1** Xây dựng các Biên bản Ghi nhớ hoặc thoả thuận với các viện/chương trình liên quan để đảm bảo rằng những giảng viên đã qua đào tạo sẽ tổ chức tập huấn cho các nhà doanh nghiệp nữ trong khuôn khổ Dự án, và theo dõi cả quá trình này.

#### **Kết quả 3.2:**

Các Biên bản Ghi nhớ với các tổ chức tín dụng đã được ký kết, và có một số lượng đáng kể các nhà doanh nghiệp nữ, bên cạnh được đào tạo, còn vay được tín dụng.

#### **Các hoạt động:**

**3.2.1** Xây dựng các Biên bản Ghi nhớ với các chương trình tín dụng (rất nhỏ) hiện có của UNICEF, UNDP, Ngân hàng cho Người nghèo, v.v... và tạo dựng mối liên kết giữa các nhà doanh nghiệp nữ đã qua đào tạo với các cơ sở tín dụng này.

**Kết quả 3.3:**

Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng hỗ trợ cho các nhà doanh nghiệp nữ bằng cách cung cấp thông tin và giúp tiếp cận các nhà doanh nghiệp nữ khác và các tổ chức (tín dụng) có liên quan.

**Các hoạt động:**

**3.3.1** Áp dụng các phương pháp tiếp tục hỗ trợ cho các nhà doanh nghiệp nữ phát triển doanh nghiệp của họ (như định kỳ kiểm tra các nhà doanh nghiệp đã qua đào tạo, tư vấn về những vấn đề kinh doanh cơ bản, thành lập các tổ chức ngành nghề không chính thức, liên kết với các cơ sở tín dụng và trung tâm công nghệ).

**3.3.2** Phân công cán bộ hiện đang làm việc cho Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng chịu trách nhiệm về “bàn thông tin” để:

- Cung cấp thông tin cho các nhà doanh nghiệp nữ;
- Thiết lập mạng lưới/hiệp hội ngành nghề không chính thức cho các nhà doanh nghiệp nữ

**E. ĐÓNG GÓP ĐẦU VÀO :**

Dự án nhận được tài trợ của Quỹ Phụ nữ trong Phát triển của Nhật Bản do UNDP điều hành và đóng góp của Bỉ do UNIDO trực tiếp điều hành. Đóng góp của Bỉ trang trải chi phí mua trang thiết bị và hầu hết những chi phí có liên quan đến đào tạo, và tài trợ của Nhật Bản trang trải phần còn lại trong ngân sách của Dự án.

Hiện có một văn kiện dự án riêng được xây dựng cho nguồn quỹ của Bỉ trước khi có nguồn quỹ của Nhật Bản.

Phần ngân sách liên quan đến đầu vào của UNDP (từ quỹ Phụ nữ trong Phát triển của Nhật Bản) được đính kèm vào Văn kiện dự án này, trình bày theo mẫu phân bổ ngân sách tiêu chuẩn của UNDP. Đóng góp của Bỉ được diễn giải cụ thể sau đây, theo mẫu phân bổ ngân sách của UNIDO.

Tổng ngân sách dự án: 594.700 USD.

## **E.2. Đóng góp của Chính phủ:**

*Đóng góp chung:*

- Cung cấp các cơ sở đào tạo tại các tỉnh mà Dự án sẽ tổ chức các khoá đào tạo;
- Văn phòng Dự án;
- Đóng góp bằng hiện vật trị giá 1.080 triệu đồng Việt Nam.

*Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng:*

- Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên luôn chuẩn bị sẵn sàng để có thể cung cấp dịch vụ bất cứ khi nào cần cho Cán bộ quản lý dự án quốc gia và Cố vấn trưởng kỹ thuật nhằm giúp quản lý có hiệu quả các hoạt động của dự án;
- Tham gia tuyển dụng công khai đội ngũ cán bộ và chuyên gia trong nước làm việc cho dự án;
- Hỗ trợ cho việc xây dựng thành công Đơn vị Điều phối dự án/Trung tâm Nguồn lực Nông thôn Đà Nẵng (PCU/RRC)
- Bố trí ít nhất hai cán bộ đào tạo làm việc (bán chuyên) lâu dài cho PCU/RRC Đà Nẵng, một người có chuyên môn về quản trị kinh doanh và một người về công nghệ thực phẩm;
- Cung cấp văn phòng làm việc (mặt bằng và đồ đạc) cho PCU/RRC Đà Nẵng;
- Trang bị điện thoại và các dịch vụ khác cho các văn phòng làm việc (cước thông tin ngoại tỉnh được thanh toán bằng ngân sách của dự án);
- Cung cấp nhà xưởng cho trung tâm đào tạo công nghệ. Bảo đảm có sẵn mặt bằng thông thoáng, nước sinh hoạt, điện và hệ thống thoát nước;
- Cung cấp phương tiện giảng dạy cho các khoá Đào tạo giảng viên và các chương trình đào tạo khác;
- Cung cấp nơi ăn ở, nếu có sẵn, cho cán bộ đào tạo và học viên trong thời gian tổ chức các khoá đào tạo tại PCU/RRC Đà Nẵng
- Thông qua mạng lưới hội viên cấp vùng của mình, hỗ trợ cho chương trình đào tạo để thực hiện được chương trình trong cả 3 tỉnh.

Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng là cơ quan thực hiện dự án, ngoài những nhiệm vụ trên, còn:

- Thành lập đơn vị điều phối dự án để giúp quản lý và điều phối có hiệu quả dự án được triển khai trên nhiều tỉnh này;
- Cung cấp một lái xe;
- Đàm phán để có thêm ngân sách dành cho các hoạt động bổ sung khác và để hoàn thiện chương trình.

## **F. RỦI RO:**

Dự án đã được thiết kế sao cho giảm thiểu được mức độ rủi ro. Những rủi ro còn lại có thể cản trở việc thực hiện thành công dự án có thể xem là chỉ còn ở mức tối

thiếu. Nhưng cần lưu ý đến những nhận xét sau đây để ngăn ngừa những hạn chế có thể có thể làm giảm hiệu quả thực hiện dự án, và điều này đòi hỏi phải được tất cả các bên liên quan luôn luôn quan tâm:

- Khó khăn trong việc tuyển chọn những cán bộ nhân viên phù hợp trong nước làm việc cho dự án;
- Đội ngũ cán bộ quản lý dự án quốc gia thường quá bận bịu với công việc ở cơ quan họ hơn là với những hoạt động của dự án;
- Khó khăn trong việc tìm kiếm những cán bộ đào tạo có thể làm việc chuyên trách cho dự án;
- Những chậm trễ trong việc điều chỉnh giáo trình đào tạo và các tài liệu khác;
- Khó khăn trong việc giao tiếp giữa các chuyên gia quốc tế và đội ngũ cán bộ quản lý quốc gia do có sự khác biệt về văn hoá và ngôn ngữ;
- Khó khăn trong việc phối hợp giữa các đơn vị cùng tham gia dự án: dự án được điều phối ở cấp vùng bởi Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng và được thực hiện bởi PCU/RRC Đà Nẵng. Dự án cũng phối hợp với một số dự án nhận tài trợ song phương và đa phương khác, các tổ chức NGO, và các tổ chức cung cấp chuyên gia kỹ thuật. Việc thực hiện dự án ở các cấp khác nhau có thể gây ra những vấn đề liên quan đến việc điều phối và tiếp thu chỉ thị.
- Những khó khăn có thể phát sinh trong quá trình điều phối hoạt động của dự án ở các tỉnh khác và ở vùng sâu vùng xa. Thực tế là tất cả các đơn vị tham gia đều là chi nhánh của Hội Liên Hiệp Phụ nữ Quốc gia cần phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều phối dự án. PCU/RRC Đà Nẵng cần có đủ năng lực giải quyết các vấn đề nảy sinh và giảm thiểu những rủi ro thuộc loại này.

## **G. NHỮNG NGHĨA VỤ VÀ ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT PHẢI HOÀN THÀNH TRƯỚC KHI TRIỂN KHAI DỰ ÁN**

Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng là Cơ quan thực hiện dự án, sẽ cam kết thực hiện những nghĩa vụ liên quan đến việc bổ nhiệm nhân sự thích hợp nhất cho việc thực hiện dự án và đảm bảo các nguồn lực theo yêu cầu, trong đó có văn phòng làm việc (có thể cần được nâng cấp). Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng cũng sẽ chuẩn bị sẵn sàng các tiện nghi cần thiết, như phương tiện vận chuyển, hỗ trợ về hành chính, thông tin liên lạc, mặt bằng văn phòng, phương tiện đào tạo và nơi ăn ở (nếu có sẵn) cho cán bộ đào tạo và học viên trong thời gian diễn ra các khóa học.

Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng sẽ cung cấp cán bộ và phương tiện đào tạo. Họ sẽ dựa trên các tiêu chí do Dự án đề ra để lựa chọn cán bộ đào tạo và học viên.

Chính phủ, UNDP và UNIDO sẽ cùng ký kết Văn kiện dự án. Dự án sẽ bắt đầu ngay khi các điều kiện tiên quyết nêu trên được hoàn thành. Khi một hoặc nhiều hơn các điều kiện trên chưa được hoàn thành theo như dự tính thì UNDP và/hoặc

UNIDO, tùy theo điều kiện đó thuộc hợp phần nào (UNDP/Quỹ uỷ thác của Nhật Bản hay UNIDO/Bỉ), có thể tự ý hoãn hoặc chấm dứt tài trợ của họ.

## H. KIỂM ĐIỂM, BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN:

Dự án sẽ được **ba bên tiến hành kiểm điểm hàng năm** (Ủy ban nhân dân Tp. Đà Nẵng và các cơ quan của Chính phủ, UNDP, UNIDO, nhà tài trợ và các cơ quan thực hiện và đồng thực hiện Dự án cùng tham gia kiểm điểm). Cuộc họp ba bên đầu tiên sẽ được tổ chức trong 12 tháng đầu kể từ khi bắt đầu triển khai đầy đủ Dự án. Giám đốc Dự án Quốc gia sẽ chuẩn bị và trình lên Văn phòng UNDP và/hoặc Văn phòng UNIDO tại Việt Nam Báo cáo Đánh giá Thực hiện Dự án (PPER), tùy theo nội dung thuộc hợp phần nào trong hai hợp phần của Dự án (UNDP/ Quỹ uỷ thác của Nhật Bản và UNIDO/ Bỉ), ít nhất một tháng trước khi họp ba bên. Với cuộc họp kiểm điểm ba bên cuối cùng, Báo cáo kết thúc dự án cũng sẽ được chuẩn bị ít nhất một tháng trước khi tổ chức họp.

Ngoài ra, một **Ban Điều hành** sẽ được thành lập để giám sát dự án và tư vấn về **kỹ thuật** cho dự án. Ban Điều hành sẽ gồm các thành viên cố định sau đây: Giám đốc Dự án Quốc gia, đại diện Ủy ban Nhân dân Tp. Đà Nẵng, Chủ tịch Tỉnh hội Phụ nữ của ba tỉnh, Cán bộ quản lý dự án quốc gia; đội ngũ cán bộ quốc tế của dự án. Tùy thuộc vào chương trình nghị sự, những người khác, như Đại diện UNDP, Đại diện UNIDO, có thể được mời tham dự các cuộc họp của Ban Điều hành.

**Một phương pháp luận** sẽ được xây dựng để theo dõi và đánh giá xem liệu có đạt được các mục tiêu và kết quả đầu ra của dự án hay không. Phụ lục 3 đã trình bày một đề xuất về phương pháp luận này, dưới mục “ Mốc chỉ thị thành công và phương tiện kiểm chứng” trong khung logic.

Dự án này sẽ được đánh giá chi sâu vì tổng ngân sách của dự án lớn hơn 500.000 USD. Việc này sẽ do đại diện của các nhà tài trợ, Chính phủ, UNDP và UNIDO tiến hành.

## I. BỐI CẢNH PHÁP LÝ

Văn kiện dự án này sẽ là một công cụ như được đề cập tới trong Điều III của Thoả thuận Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt nam và Chương trình Phát triển của LHQ được hai bên ký ngày 21/3/1978. Do mục đích của dự án này, Cơ quan Thực hiện của Chính phủ như được đề cập tới trong Thoả thuận Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn nói trên sẽ là Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng.

## PHỤ LỤC 1: MA TRẬN KHUNG LOGIC

Mục tiêu, kết quả đầu ra và các hoạt động	Mức chỉ thị thành công	Phương tiện kiểm chứng
<p><b>Mục tiêu tổng thể</b></p> <p>Tăng thu nhập và tăng số phụ nữ làm việc trong ngành chế biến lương thực thực phẩm ở miền Trung Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số doanh nghiệp được cải thiện</li> <li>Số doanh nghiệp mới</li> <li>Tỷ lệ doanh nghiệp duy trì được lợi tức/tình hình cải thiện</li> <li>Tỷ lệ doanh nghiệp mới thành lập và vẫn đang tồn tại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp/cơ sở dữ liệu</li> <li>Khảo sát tiếp theo về mẫu các nhà doanh nghiệp được hỗ trợ</li> </ul>
<p><b>Mục đích của Dự án/ Mục tiêu trước mắt số 1</b></p> <p>Năng lực thực hiện dự án của Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng được củng cố</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các hoạt động của dự án được thực hiện tốt và đúng tiến độ.</li> <li>Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng hài lòng với dịch vụ và giáo trình do dự án cung cấp.</li> <li>UNDP/UNIDO/Chính phủ hài lòng với hoạt động và những tiến bộ của các Chi hội Phụ nữ</li> </ul>	<p>Các báo cáo tiến độ và các cuộc họp Kiểm điểm Ba bên.</p>
<p><b>Các hoạt động</b></p> <p>1.1 Thành lập PCU/RRC Đà Nẵng</p> <p>1.2 Áp dụng các quy trình quản lý hành chính của UNIDO, tổ chức khóa đào tạo một ngày</p> <p>1.3 Thành lập và tổ chức họp Ban Điều hành</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số khóa tập huấn mà cán bộ đào tạo tổ chức được trong quá trình thực hiện và sau khi Dự án kết thúc (cả khi có và không có hỗ trợ của Trung tâm Nguồn lực Nông thôn Đà Nẵng)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo Tổng quan về Đào tạo các nhà doanh nghiệp.</li> <li>Khảo sát tiếp theo về các tổ chức đối tác và đóng góp nhiệm.</li> </ul>
<p><b>Mục đích của Dự án/ Mục tiêu trước mắt số 2</b></p> <p>Năng lực của Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng trong việc điều hành các Trung tâm đào tạo của Hội Phụ nữ và tổ chức đào tạo cho các nhà doanh nghiệp nữ về quản lý các doanh nghiệp vừa và nhỏ và về công nghệ chế biến lương thực thực phẩm ở ba tỉnh miền Trung được củng cố.</p>		
<p><b>Kết quả 2.1</b></p> <p>Hai khoá Đào tạo giảng viên được tổ chức cho ít nhất 20-25 người (tối thiểu 50% là phụ nữ). Ít nhất có 2-3</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số người tham dự các khoá Đào tạo giảng viên theo giới và theo tổ chức</li> <li>Số cán bộ đào tạo trực tiếp làm việc cho các cơ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo tổng quát về Đào tạo giảng viên</li> <li>Báo cáo tiến độ</li> </ul>

<p>cán bộ đào tạo làm việc cho Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng đã qua tập huấn của Dự án. Ít nhất có 20 cán bộ đào tạo của các cơ quan khác đồng ý tham gia đào tạo trong khuôn khổ Dự án này.</p>	<p>quan đối tác (Các chi nhánh của Hội Phụ nữ).</p>	
<p><b>Các hoạt động</b>  2.1.1 Chọn cán bộ đào tạo và học viên cho các khoá Đào tạo giảng viên, và lập danh sách  2.1.2 Tổ chức 2 khoá Đào tạo giảng viên</p>		
<p><b>Kết quả 2.2</b> Xây dựng xong chương trình đào tạo doanh nghiệp nữ;  Thiết bị trình diễn chế biến lương thực thực phẩm đã được mua;  Sách hướng dẫn dành cho cán bộ đào tạo của UNIDO hiện có đã được sửa lại thành các môđun đào tạo linh hoạt để đáp ứng được nhu cầu của các nhà doanh nghiệp nữ ở miền Trung;  Tổ chức được ít nhất năm khoá đào tạo thí điểm, và cán bộ đào tạo có đủ trình độ để tập huấn cho các nhà doanh nghiệp nữ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cán bộ đào tạo hài lòng với : <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng của các khoá đào tạo giảng viên</li> <li>- Việc tổ chức đào tạo của các RRC</li> <li>- Giáo trình/tài liệu/thiết bị được sử dụng trong quá trình đào tạo các nhà doanh nghiệp nữ</li> <li>- Thời gian và nội dung của khoá đào tạo được tổ chức cho các nhà doanh nghiệp nữ</li> </ul> </li> <li>• Có sẵn giáo trình và các kỹ thuật trình diễn chế biến thực phẩm lưu động thích hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Biểu mẫu đánh giá khoá Đào tạo giảng viên</li> <li>• Báo cáo tổng quát về khoá Đào tạo giảng viên</li> <li>• Báo cáo tổng quan về Đào tạo các nhà doanh nghiệp</li> <li>• Báo cáo tiến độ</li> </ul>
<p><b>Các hoạt động:</b>  2.2.1 Nghiên cứu nhu cầu đào tạo của các nhà doanh nghiệp nữ trong lĩnh vực chế biến lương thực thực phẩm có tham vấn các chương trình hỗ trợ kỹ thuật khác  2.2.2 Nghiên cứu chương trình đào tạo của các tổ chức khác, trong đó có việc xây dựng một hệ thống theo dõi và đánh giá.  2.2.3 Điều chỉnh giáo trình và các môđun đào tạo doanh nghiệp.  2.2.4 In ấn giáo trình đào tạo.  2.2.5 Tổ chức ít nhất 5 khoá đào tạo thí điểm.  2.2.6 Tìm và mua thiết bị chế biến lương thực thực phẩm.</p>		
<p><b>Kết quả 2.3:</b> Ít nhất có 300 nhà doanh nghiệp nữ được đào tạo, việc thu phí đào tạo được từng bước áp dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số nhà doanh nghiệp tham gia vào khoá đào tạo, được chia theo loại hình khoá đào tạo (thời gian</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu mẫu đánh giá khoá đào tạo các nhà doanh</li> </ul>

<p>(trong năm thứ 3) đến chừng mục có thể để trang trải chi phí đào tạo.</p>	<p>và nội dung của khoá học) và theo vị trí địa lý (theo từng huyện/tỉnh).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổng quan về các loại hình kinh doanh của các nhà doanh nghiệp tham gia vào khoá đào tạo và sự phát triển của các doanh nghiệp này.</li> <li>• Chi phí bình quân cho một nhà doanh nghiệp được hỗ trợ</li> <li>• Sự hài lòng của các nhà doanh nghiệp về: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc tổ chức đào tạo của các trung tâm RRC</li> <li>- Giáo trình/tài liệu/thiết bị được sử dụng trong khoá đào tạo.</li> <li>- Chất lượng cán bộ đào tạo.</li> <li>- Thời gian và nội dung của khoá học.</li> </ul> </li> </ul>	<p>ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng quan về Đào tạo các nhà doanh nghiệp.</li> <li>- Báo cáo tiến độ.</li> </ul>
<p><b>Các hoạt động:</b></p> <p>2.3.1 Xác định và chọn các nhà doanh nghiệp nữ.</p> <p>2.3.2 Chuẩn bị kế hoạch làm việc cho chương trình đào tạo doanh nghiệp nữ ở 3 tỉnh.</p> <p>2.3.3 Nghiên cứu phương thức trang trải chi phí trên cơ sở đồng tài trợ.</p> <p>2.3.4 Tổ chức một hội thảo để xây dựng hướng dẫn cho các trung tâm RRC có thể tồn tại bền vững sau Dự án.</p>		
<p><b>Mục đích của Dự án/ Mục tiêu trước mắt số 3</b></p> <p>Năng lực của Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng được tăng cường nhằm duy trì <u>một mạng lưới năng động gồm các nhà doanh nghiệp, cơ sở tín dụng và tổ chức đào tạo để tiếp tục hỗ trợ cho các nhà doanh nghiệp nữ trong việc quản lý các doanh nghiệp vừa và nhỏ và công nghệ chế biến lương thực thực phẩm ở ba tỉnh miền Trung Việt Nam.</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số các nhà doanh nghiệp đã qua đào tạo tham gia vào các mạng lưới không chính thức và/hoặc các hiệp hội ngành nghề do các chi hội Phụ nữ đề xuất;</li> <li>• Các nhà doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ do các Trung tâm Nguồn lực Nông thôn cung cấp (ngoài đào tạo), chủ yếu là cung cấp thông tin về cách tiếp cận các cơ sở tín dụng và tư vấn kinh doanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Báo cáo tiến độ.</li> <li>• Hiệu quả hoạt động của chủ doanh nghiệp/cơ sở dữ liệu</li> </ul>
<p><b>Kết quả 3.1:</b></p> <p>Cán bộ đào tạo từ các cơ quan khác tham gia đào tạo cho các nhà doanh nghiệp nữ (sau khi tham dự các khoá Đào tạo giảng viên)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số Biên bản Ghi nhớ được Ký kết với các cơ quan cử người tham dự các khoá Đào tạo giảng viên.</li> <li>• Số khoá đào tạo do mỗi cán bộ đào tạo thực</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản Ghi nhớ.</li> <li>- Báo cáo tổng quan về Đào tạo các nhà doanh nghiệp</li> </ul>

	hiện cho các nhà doanh nghiệp nữ theo giới và theo tổ chức	
<b>Các hoạt động:</b> 3.1.1 Xây dựng các Biên bản Ghi nhớ với các cơ quan/chương trình đào tạo có liên quan.		
<b>Kết quả 3.2:</b> Các Biên bản Ghi nhớ với các tổ chức tín dụng đã được ký kết, và có một số lượng đáng kể các nhà doanh nghiệp nữ, bên cạnh được đào tạo, còn vay được tín dụng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng và nội dung Biên bản Ghi nhớ được ký với các chương trình/tổ chức tín dụng (rất nhỏ).</li> <li>Bình quân tín dụng các nhà doanh nghiệp nữ đã qua đào tạo đã vay được tính trên một chương trình/tổ chức tín dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các Biên bản Ghi nhớ</li> <li>Báo cáo tiến độ của tổ chức tín dụng đối tác (như đã thông nhất trong Thỏa thuận đối tác)</li> <li>Hiệu quả hoạt động của nhà doanh nghiệp/cơ sở dữ liệu</li> </ul>
<b>Các hoạt động:</b> 3.2.1 Xây dựng Biên bản Ghi nhớ với các chương trình tín dụng (rất nhỏ) hiện có.		
<b>Kết quả 3.3:</b> Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng hỗ trợ cho các nhà doanh nghiệp nữ bằng cách cung cấp thông tin và giúp tiếp cận các nhà doanh nghiệp nữ khác và các tổ chức (tín dụng) có liên quan.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số nhà doanh nghiệp đã qua đào tạo tham gia vào các mạng lưới và/hoặc hiệp hội ngành nghề</li> <li>Các chủ doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ do các trung tâm RRC cung cấp (ngoài đào tạo), chủ yếu là cung cấp thông tin về cách tiếp cận các cơ sở tín dụng và tư vấn kinh doanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo tiến độ.</li> <li>Hiệu quả hoạt động của nhà doanh nghiệp/cơ sở dữ liệu</li> </ul>
<b>Các hoạt động:</b> 3.3.1 Áp dụng các phương pháp tiếp tục hỗ trợ cho các nhà doanh nghiệp nữ. 3.3.2 Xây dựng “Bàn thông tin”		

Ghi chú:

- Biểu mẫu Đánh giá Đào tạo nhà doanh nghiệp: phiếu điều tra sẽ phát cho từng nhà doanh nghiệp tham gia khoá học để họ trả lời các câu hỏi trong đó.

- Báo cáo Tổng quan về Đào tạo nhà doanh nghiệp: báo cáo ngắn gọn do cán bộ đào tạo chuẩn bị tóm tắt nội dung của các biểu mẫu đánh giá nói trên, một số thông tin về khoa học và về chính bản thân họ (ví dụ như số lượng học viên, thời gian khoá học, các vấn đề được đề cập)
- Biểu mẫu Đánh giá khoa học Đào tạo giảng viên: phiếu điều tra được phát cho từng giảng viên tham gia khoa Đào tạo giảng viên để họ trả lời các câu hỏi trong đó.
- Báo cáo Tổng quan về Đào tạo giảng viên: báo cáo ngắn gọn do Cán bộ đào tạo chính và nhóm cán bộ dự án chuẩn bị tóm tắt nội dung của các Biểu mẫu Đánh giá khoa học Đào tạo giảng viên và một số thông tin về khoa học (ví dụ như số người tham dự, thời gian khoá học, các vấn đề được đề cập)
- Hiệu quả hoạt động của nhà doanh nghiệp/cơ sở dữ liệu: phiếu điều tra phải được trả lời trước/trong và sau khoá học, được đưa vào trong cơ sở dữ liệu, và sáu tháng sau được tiến hành lại. Mục tiêu là để đánh giá ảnh hưởng của khoa đào tạo đối với sự phát triển của các doanh nghiệp.
- Khảo sát tiếp theo về mẫu nhà doanh nghiệp được hỗ trợ: tổ chức phỏng vấn để bổ sung thêm thông tin thu được từ việc đánh giá Hiệu quả hoạt động của nhà doanh nghiệp
- Khảo sát tiếp theo về các tổ chức đối tác: tổ chức phỏng vấn/phát phiếu điều tra để đánh giá năng lực của các tổ chức đối tác
- Khảo sát tiếp theo về các tổ chức đồng nhiệm: hình thức khảo sát sẽ được nhất trí như là một phần của Biên bản Ghi nhớ.
- Báo cáo tiến độ do Trung tâm PCU/RRC Đà Nẵng chuẩn bị hàng quý trình bày về các vấn đề được đề cập đến trong bảng ma trận này.

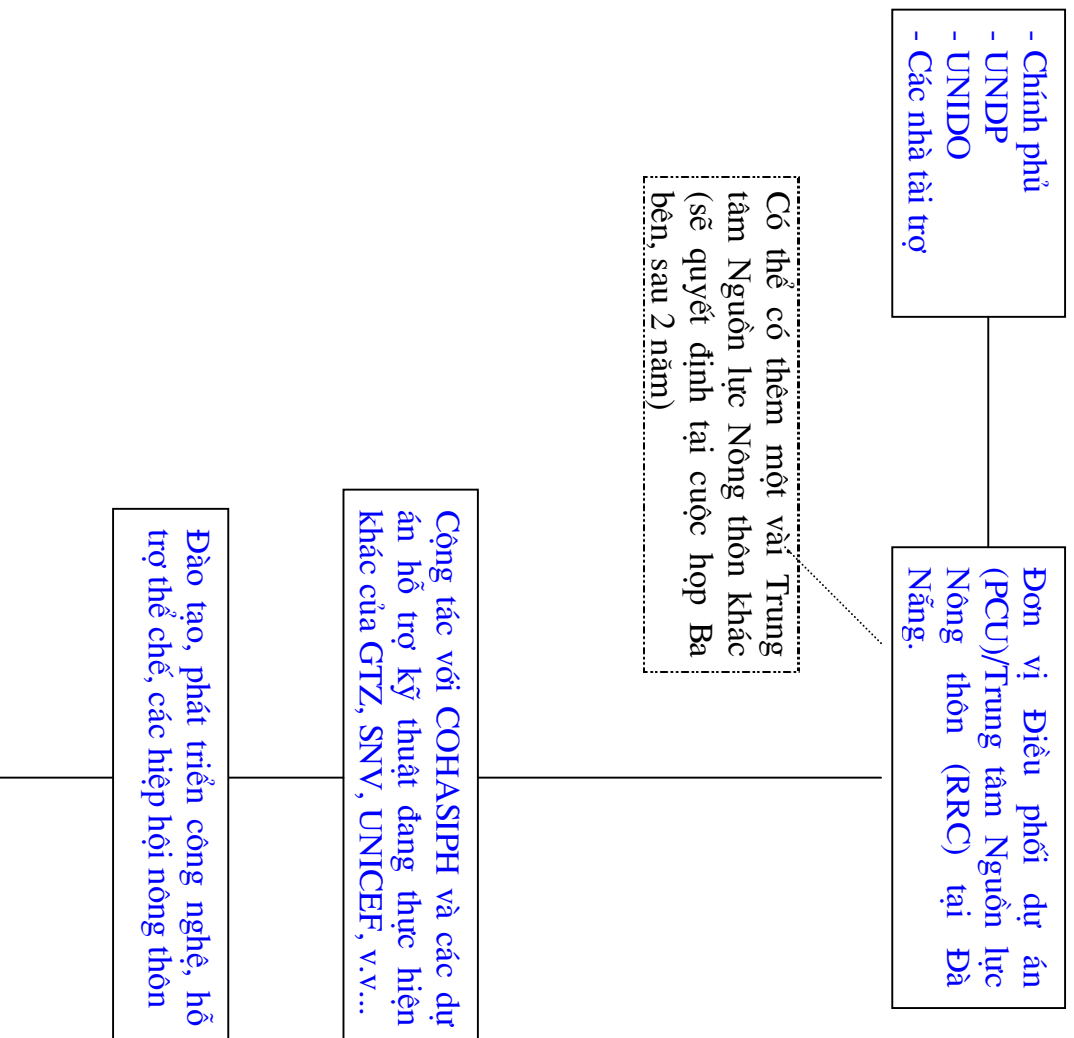
## **PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH LÀM VIỆC**

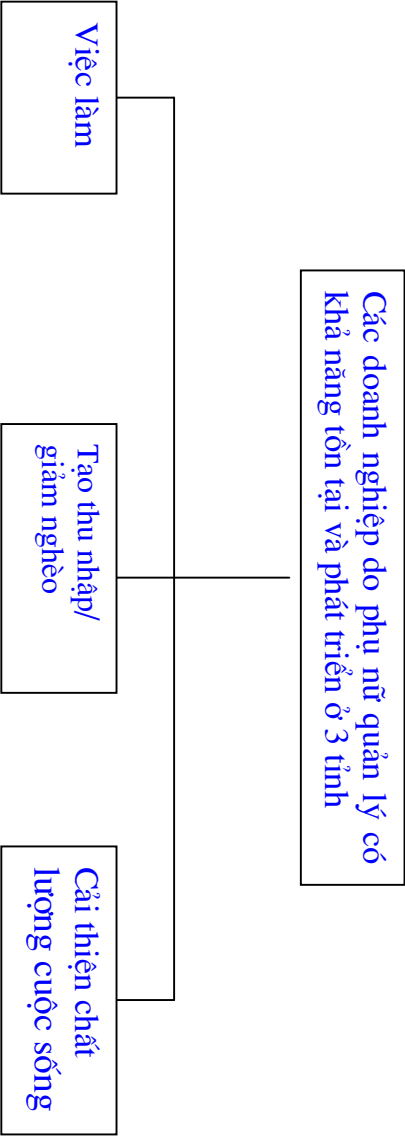
---

**Sẽ do đội ngũ cán bộ Dự án xây dựng có tham khảo ý Kiến của Cán bộ quản lý dự án**

### PHỤ LỤC 3: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA DỰ ÁN

---





## **PHỤ LỤC 4: MÔ TẢ CÔNG VIỆC**

---

### **Mô tả công việc**

DP/VIE/01/.../17-01

**Chức vụ:** Cán bộ quản lý dự án quốc gia (NPM)

**Thời gian:** 36 tháng làm việc

**Thời điểm bắt đầu:** Đầu năm 2001

**Địa điểm công tác:** Đà Nẵng, Việt Nam, có đi công tác trong nước

**Mục đích của Dự án:**

Mục đích của Dự án là hỗ trợ bên đối tác thực hiện một chương trình đào tạo nâng cao tình thần mạo hiểm kinh doanh của phụ nữ với trọng tâm là phát triển công nghiệp nông thôn. Tiểu ngành được lựa chọn là ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm. Mục tiêu của các chương trình đào tạo là trang bị cho các nhà doanh nghiệp nữ tại 3 tỉnh miền Trung Việt Nam các kỹ năng cần thiết để họ có thể điều hành các đơn vị chế biến lương thực thực phẩm qui mô nhỏ và qui mô hộ có khả năng cạnh tranh và có thể tồn tại và phát triển. Dự án sẽ thành lập một Đơn vị Điều phối dự án (PCU)/Trung tâm Nguồn lực Nông thôn (RRC) tại Đà Nẵng.

**Nhiệm vụ:**

Cán bộ quản lý Dự án Quốc gia (NPM) sẽ chịu trách nhiệm, dưới sự giám sát chung của Giám đốc Dự án, về việc triển khai và quản lý hiệu quả Dự án và về các hoạt động thường nhật như nêu trong Văn kiện dự án, với sự công tác của Giám đốc Dự án Quốc gia và Cố vấn Trưởng Kỹ thuật. Cán bộ quản lý dự án quốc gia phải hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Tham gia lựa chọn điều phối viên cho các vùng, cán bộ đào tạo, chuyên gia trong nước và quốc tế, và các cán bộ cấp cao khác.
2. Cùng với CTA và đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao của dự án, điều phối tất cả các hoạt động của dự án, xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm, mục tiêu và ưu tiên trong kế hoạch công tác của tất cả các thành viên của dự án và của các tổ chức có cộng tác với dự án.
3. Đóng góp vào việc hoàn chỉnh kế hoạch công tác của dự án.
4. Tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức về các chương trình đào tạo với các trung tâm RRC và các chương trình nâng cao nhận thức về giới khi cần thiết và tại nơi cần thiết.
5. Đảm bảo quản lý các nguồn lực và tài sản khác của dự án một cách có hiệu quả.
6. Tham gia vào chương trình Đào tạo giảng viên ban đầu của UNIDO.
7. Cùng với CTA, chịu trách nhiệm chung về việc thực hiện tất cả các chương trình đào tạo.
8. Hỗ trợ xây dựng bản mô tả công việc của các chuyên gia tư vấn sẽ được tuyển dụng.
9. Xây dựng danh sách cán bộ nguồn/chuyên gia/cán bộ đào tạo với trung tâm các vùng.
10. Duy trì mối liên hệ thường xuyên với các tổ chức NGO để đàm phán về việc họ tham gia về phương diện tài chính và kỹ thuật vào việc thực hiện các hoạt động dự kiến trong Văn kiện dự án.
11. Tham gia với tư cách là cán bộ nguồn vào việc đào tạo các nhà doanh nghiệp nữ.
12. Cùng với CTA, hỗ trợ điều phối viên các vùng trong việc thiết kế và lập kế hoạch hành động hàng năm và đưa vào hoạt động các hệ thống theo dõi và đánh giá một cách có hiệu quả.
13. Chuẩn bị các báo cáo tiến độ thường kỳ và hỗ trợ cho các đoàn đánh giá và các chuyên gia khác như dự kiến trong Văn kiện dự án.
14. Giám sát việc tuân thủ các tiêu chí lựa chọn cán bộ đào tạo và học viên như đề ra trong các bản Chức năng nhiệm vụ.
15. Làm việc với các trung tâm RRC về các chương trình đào tạo tiếp theo, về việc lắp đặt Trung tâm Thực hành Công nghệ, và về tính bền vững của các dịch vụ do các trung tâm này cung cấp sau khi dự án kết thúc. Và
16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo như yêu cầu trong Văn kiện dự án.

## **Năng lực phẩm chất:**

Trình độ đại học hoặc tương đương về quản trị kinh doanh hoặc các lĩnh vực có liên quan, có kinh nghiệm về đào tạo. Có kiến thức và kinh nghiệm trong việc đào tạo tạo cán bộ đối tác, phát triển năng lực và có kỹ năng giao tiếp tốt là những điều kiện cần thiết. Cần có nhận thức tốt về giới và ưu tiên cho ứng viên là nữ.

Có nhiệt tình tiếp tục làm việc với đối tác sau khi dự án kết thúc là một điều kiện hữu ích.

**Ngôn ngữ:**

Tiếng Anh và tiếng Việt. Cần có khả năng nói tiếng Anh lưu loát và viết được báo cáo bằng tiếng Anh.

**Mô tả công việc**

**Chức vụ:** Giám đốc dự án quốc gia (NPD)

**Thời gian:** 36 tháng làm việc có khả năng gia hạn

**Thời điểm bắt đầu:** Năm 2001

**Địa điểm công tác:** Đà Nẵng, Việt Nam, có đi công tác trong nước

**Mục đích của Dự án:**

Dự án sẽ hỗ trợ đổi mới tác thực hiện các chương trình đào tạo cho các nhà doanh nghiệp nữ. Tiểu ngành được chọn là ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm. Mục tiêu của chương trình đào tạo là trang bị cho các nhà doanh nghiệp nữ tại sâu tỉnh miền Trung Việt Nam các kỹ năng cần thiết để họ có thể điều hành các đơn vị chế biến lương thực thực phẩm quy mô nhỏ và qui mô hộ có khả năng cạnh tranh và có thể tồn tại và phát triển. Dự án sẽ thành lập một Đơn vị Điều phối dự án (PCU)/Trung tâm Nguồn lực Nông thôn (RRC) tại Đà Nẵng.

## **Nhiệm vụ:**

Giám đốc Dự án Quốc gia (NPD) sẽ đại diện cho phía Chính Phủ trong dự án và sẽ do UBND thành phố Đà Nẵng chỉ định. Giám đốc Dự án Quốc gia sẽ hợp tác chặt chẽ với Cán bộ quản Lý Dự án Quốc gia và Cố vấn Trưởng Kỳ thuật. Cụ thể, Giám đốc Dự án Quốc gia sẽ:

1. Cùng với CTA và Cán bộ Quản Lý Dự án Quốc gia tham gia soạn kế hoạch công tác.
2. Hỗ trợ Cán bộ quản Lý dự án quốc gia và Cán bộ quản Lý Trung tâm RRC thiết kế và hoạch định các kế hoạch hành động hàng năm cho Trung tâm nguồn lực, và hỗ trợ cho việc đưa các nguồn lực cần thiết của phía Chính Phủ vào hoạt động như nêu trong Văn kiện dự án.
3. Đóng góp vào việc chuẩn bị các báo cáo tiến độ thường kỳ.
4. Tư vấn cho các chuyên gia trong nước và quốc tế cũng như Cán bộ quản Lý dự án về những vấn đề có liên quan đến các chính sách của Chính phủ và của vùng, các yêu cầu của Chính phủ, v.v...
5. Đóng góp vào việc xúc tiến dự án và liên kết với các hoạt động khác đang diễn ra trong vùng, có tham khảo ý kiến của Cán bộ quản Lý dự án và CTA.
6. Tăng cường liên kết với các cơ sở tín dụng để giúp cho các đối tượng thụ hưởng dự án.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Điều hành dự án.
8. Tham gia các cuộc họp Kiểm điểm Ba bên.
9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu để thực hiện thành công Dự án.

## **Năng lực phẩm chất:**

Có bằng cấp về quản trị kinh doanh, kinh tế hoặc các lĩnh vực liên quan. Có kinh nghiệm về điều hành các dự án là một điều kiện hữu ích. Có kỹ năng giao tiếp tốt là điều kiện thiết yếu. Cần có nhận thức tốt về giới.

**Ngôn ngữ:** Tiếng Việt và tiếng Anh.

## **Mô tả công việc**

DP/VIE/01/.../11-01

**Chức vụ:** Cố vấn Trưởng Kỹ thuật (CTA)

**Thời gian:** 12 tháng làm việc

**Thời điểm bắt đầu:** 2001

**Địa điểm công tác:** Đà Nẵng, Việt Nam, có đi công tác trong khu vực

**Mục đích của Dự án:**

Mục đích của Dự án là hỗ trợ bên đối tác thực hiện một chương trình đào tạo nâng cao tinh thần mạo hiểm kinh doanh của phụ nữ với trọng tâm là phát triển công nghiệp nông thôn. Tiểu ngành được lựa chọn là ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm. Mục tiêu của các chương trình đào tạo là trang bị cho các nhà doanh nghiệp nữ tại 3 tỉnh miền Trung Việt Nam các kỹ năng cần thiết để họ có thể điều hành các đơn vị chế biến lương thực thực phẩm qui mô nhỏ và qui mô hộ có khả năng cạnh tranh và có thể tồn tại và phát triển. Dự án sẽ thành lập một Đơn vị Điều phối dự án (PCU)/Trung tâm Nguồn lực Nông thôn (RRC) tại Đà Nẵng.

**Nhiệm vụ:**

Cố vấn Trưởng Kỹ thuật (CTA), dưới sự giám sát chung của Cán bộ quản lý Dự án, sẽ chịu trách nhiệm về việc thực hiện dự án và về các hoạt động thường nhật như nêu trong Văn kiện dự án với sự cộng tác của Giám đốc Dự án Quốc gia, Cán bộ quản lý Dự án Quốc gia và Cán bộ quản lý Trung tâm RRC tại Đà Nẵng. Cụ thể, CTA sẽ:

1. Tham gia vào việc lựa chọn cán bộ đào tạo, chuyên gia trong nước và quốc tế, và các cán bộ khác của Dự án của bên đối tác.
2. Cùng với đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao của dự án, điều phối tất cả các hoạt động của dự án, xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm, mục tiêu và ưu tiên trong kế hoạch công tác của tất cả các thành viên của dự án và của các tổ chức có cộng tác với dự án.
3. Cùng Cán bộ quản lý dự án chuẩn bị Kế hoạch công tác của dự án.

4. Đảm bảo quản lý các nguồn lực và tài sản khác của dự án một cách có hiệu quả.
5. Duy trì mối liên hệ thường xuyên với các cơ quan có liên quan, UNIDO, UNDP, các dự án hỗ trợ kỹ thuật, và các tổ chức NGO để đảm bảo phân về việc họ tham gia về phương diện tài chính và kỹ thuật vào việc thực hiện các hoạt động của dự án, kiểm tra sau đó và xúc tiến các hoạt động bổ sung để củng cố các chương trình đào tạo.
6. Xây dựng các bản Mô tả công việc của các chuyên gia sẽ được tuyển dụng với sự hỗ trợ của Cán bộ quản lý dự án.
7. Tham gia tích cực vào việc đào tạo đối tác, Cán bộ quản lý Dự án Quốc gia, các điều phối viên nông thôn, cán bộ đào tạo và chuyên gia trong nước về việc thực hiện tất cả các mặt của dự án.
8. Đóng góp vào các chương trình Đào tạo giảng viên và đào tạo các nhà doanh nghiệp nữ với tư cách là cán bộ nguồn và giám sát viên.
9. Hỗ trợ Cán bộ quản lý dự án thiết kế và hoạch định kế hoạch hành động hàng năm và đưa các hệ thống theo dõi và đánh giá vào hoạt động có hiệu quả.
10. Chuẩn bị các báo cáo tiến độ thường kỳ và hỗ trợ cho các đoàn đánh giá và các chuyên gia khác như dự kiến trong Văn kiện dự án.
11. Tư vấn cho cán bộ đối tác quốc gia và chuyên gia về những vấn đề liên quan đến các chương trình đào tạo, việc điều chỉnh các chương trình này, và xây dựng cần thận các modul đào tạo mới.
12. Giám sát việc tuân thủ các tiêu chí lựa chọn cán bộ đào tạo và học viên như đề ra trong các bản Chức năng nhiệm vụ.
13. Cố vấn cho đối tác về các chương trình đào tạo tiếp theo, về việc lắp đặt Trung tâm Thực hành Công nghệ, và về tính bền vững của các dịch vụ do các trung tâm này cung cấp sau khi dự án kết thúc.
14. Hỗ trợ cho việc đánh giá nhu cầu đào tạo của khu vực miền Trung và của các đối tượng mới như có thể tiên liệu trong quá trình thực hiện dự án.
15. Hỗ trợ cho việc thực hiện các thực nghiệm thí điểm về hỗ trợ đào tạo trong khuôn khổ các chương trình giảm nghèo tại những tỉnh được chọn.
16. Đề trình các báo cáo *đặc biệt* khi được yêu cầu và một báo cáo cuối cùng khi kết thúc nhiệm vụ.
17. Chuẩn bị một báo cáo về những kết quả đạt được, ảnh hưởng của dự án và những bài học rút ra từ dự án.
18. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu như nêu trong Văn kiện dự án.

### **Năng lực phẩm chất:**

Là một chuyên viên về quản lý/phát triển/công nghiệp, có kinh nghiệm về đào tạo (chuẩn bị giáo trình đào tạo và/hoặc tham gia đào tạo thực sự), phát triển tinh thần mạo hiểm kinh doanh và hội nhập phụ nữ vào trong quá trình phát triển công nghiệp. Phải có kinh nghiệm về các dự án hỗ trợ kỹ thuật hoặc quản lý các dự án khác ở các nước đang phát triển.

Kiến thức và kinh nghiệm về việc phát triển năng lực và đào tạo đối tác cũng như có kỹ năng giao tiếp tốt là những điều kiện thiết yếu. Quen thuộc với bối cảnh Việt Nam và tiếng Việt là một thuận lợi. Cần có nhận thức tốt về giới và ưu tiên cho ứng viên là nữ.

**Ngôn ngữ:** Tiếng Anh, biết tiếng Việt là điều kiện hữu ích.

## **PHỤ LỤC 5: CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ**

---

### ***Phụ lục 5.1 - Chức năng nhiệm vụ của Giảng viên (những người tham dự các Khoa Đào tạo giảng viên)***

Dành cho những giảng viên tham gia khoá Đào tạo giảng viên do Thành hội Phụ nữ Đà Nẵng tổ chức tại Đà Nẵng để đào tạo cho các nhà doanh nghiệp nữ về lĩnh vực chế biến lương thực thực phẩm.

#### **Nhiệm vụ:**

Các giảng viên này sẽ là một bộ phận của mạng lưới các chuyên gia đào tạo cấp vùng về quản trị kinh doanh quy mô nhỏ và chế biến lương thực thực phẩm. Họ sẽ:

1. Tham gia khoá Đào tạo giảng viên với sự hỗ trợ của Thành hội phụ nữ Đà Nẵng và trung tâm RRC địa phương.
2. Sau khi trở về từ các khoá Đào tạo giảng viên, hỗ trợ cho Cán bộ quản lý dự án đóng tại Đà Nẵng tổ chức các khoá đào tạo cho các nhà doanh nghiệp nữ. Mỗi một giảng viên sẽ đảm nhiệm ít nhất 3 khoá đào tạo với sự hỗ trợ của PCU/RRC Đà Nẵng, và cùng chia sẻ trách nhiệm đào tạo với đối tác đào tạo của mình. Họ cần có nhiệt tình muốn tổ chức đào tạo ở vùng sâu vùng xa và ở nông thôn.
3. Sử dụng kiến thức chuyên môn thu được tại khoá Đào tạo giảng viên để giúp Trung tâm RRC tiếp thị các khoá đào tạo và xác định các học viên mục tiêu.
4. Sử dụng kiến thức chuyên môn thu được tại khoá Đào tạo giảng viên để giúp Trung tâm RRC cung cấp dịch vụ tư vấn cho các nhà doanh nghiệp nữ là chủ các doanh nghiệp chế biến lương thực thực phẩm qui mô hộ và qui mô nhỏ.
5. Giúp Cán bộ quản lý dự án quốc gia hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ này.

#### **Năng lực phẩm chất:**

Các giảng viên phải có nhiều kinh nghiệm về đào tạo từ trước. Họ phải có sẵn chuyên môn về hoặc quản trị kinh doanh qui mô nhỏ hoặc về công nghệ chế biến lương thực thực phẩm. Họ đã và đang làm việc cho Trung tâm RRC, cho Hội Phụ nữ ở các cấp tỉnh, huyện, hay cơ sở, hoặc cho các tổ chức và các viện có cộng tác với dự án. Ít nhất có 50% số giảng viên là nữ.

### ***Phụ lục 5.2 - Chức năng nhiệm vụ của Học viên các khoá đào tạo phát triển doanh nghiệp nữ***

Dành cho các học viên tham gia các khoá đào tạo các nhà doanh nghiệp nữ về chế biến lương thực phẩm do PCU/RRC Đà Nẵng tổ chức và được UNIDO hỗ trợ.

#### **Nhiệm vụ:**

1. Tham gia các khoá học do các trung tâm RRC tổ chức;
2. Hợp tác và tham gia vào quá trình đánh giá và theo dõi sau này;
3. Tiếp tục theo đuổi chương trình tín dụng rất nhỏ hoặc các chương trình khác để giúp công việc kinh doanh của mình phát triển hơn nữa hoặc để hoàn thiện năng lực của mình.

#### **Năng lực phẩm chất:**

Tất cả các học viên phải là những phụ nữ làm kinh doanh trong lĩnh vực chế biến lương thực thực phẩm tư nhân. Họ có thể là những phụ nữ chỉ mới bắt đầu làm kinh doanh với qui mô hộ nhưng đã liên kết với một nhóm tín dụng nào đó; hiện đang làm kinh doanh nhưng mới chỉ là bán chuyên; đã là những nhà doanh nghiệp thành công với qui mô nhỏ; hay là người quản lý các hợp tác xã tư nhân. Họ KHÔNG nên là: nhân viên hoặc cán bộ quản lý của các doanh nghiệp nhà nước; cán bộ nhân viên của các tổ chức khác sử dụng dịch vụ đào tạo của dự án như là chương trình Đào tạo giảng viên không chính thức của riêng họ; tất cả những người chỉ mong hưởng lợi từ trợ cấp đào tạo.

Học viên cần quan tâm đến việc mở rộng công việc kinh doanh hoặc cải tiến năng suất, chất lượng, vệ sinh, tiếp thị, v.v..., và có lòng nhiệt tình muốn thay đổi hiện trạng của họ để đạt được điều tốt đẹp hơn.

## **PHỤ LỤC 6: NỘI DUNG ĐÀO TẠO (SẼ ĐƯỢC SỬA ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH CHO PHÙ HỢP VỚI CÁC KHÓA ĐÀO TẠO TẠI CHỨC VÀ NGẮN HẠN)**

---

Tên khoa học: Chương trình đào tạo cho các nhà doanh nghiệp nữ trong ngành chế biến Lương thực thực phẩm.

Cách tiếp cận có tính phương pháp luận được áp dụng trong suốt khóa học là ‘vừa học vừa làm’, chú trọng phương pháp đào tạo có người dân tham gia. Khái niệm này ám chỉ sự tham gia tích cực của các học viên. Cán bộ đào tạo ở đây có vai trò là người tạo điều kiện, chứ không phải là một giáo viên truyền thống. Tương phản với việc truyền tải kiến thức cổ điển từ giáo viên đến học sinh bằng các bài thuyết trình/trình diễn, điểm cốt lõi của khái niệm này là nâng cao nhận thức của học viên về các kỹ năng cần có để có thể mở rộng và điều hành thành công một công việc kinh doanh có quy mô nhỏ. Những kỹ năng này được phát triển bằng cách đầu tiên khơi gợi những kiến thức sẵn có của học viên, sau đó đào sâu và/hoặc mở rộng kiến thức này thông qua các bài tập tại các trung tâm thực hành công nghệ.

Cơ cấu của khóa học phản ánh cách tiếp cận có tính phương pháp luận nêu trên. Vào đầu khóa học cần tạo ra một không khí mà ở đó mỗi người tham gia cảm thấy có trách nhiệm phải giải hái được những gì họ cần bằng cách tham gia tích cực vào khóa học. Đào tạo về quản lý và kỹ thuật không nhằm cung cấp cho những người tham gia những giải pháp cụ thể cho các vấn đề rất khác nhau mà họ sẽ phải đương đầu, thay vì vậy sẽ cung cấp cho họ thông tin, tăng cường khả năng sử dụng những thông tin đó của họ và giúp họ nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề một cách có hiệu quả.

Đào tạo nâng cao nhận thức về kinh doanh được lồng ghép với đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý. Để giúp cho việc học tập của học viên có hiệu quả, nội dung đào tạo phải được xây dựng trên cơ sở những kinh nghiệm rút ra từ thực tế cuộc sống của học viên. Học viên luôn được yêu cầu phải liên hệ giữa các kỹ năng mới học được với tình hình kinh doanh riêng của mình và nhận thức được điểm mạnh và điểm yếu của mình. Kinh nghiệm riêng có của từng doanh nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt trong khi tiến hành thảo luận về các phương án công nghệ, điều này giúp cho học viên xác định được dãy phương án công nghệ có thể chọn lựa, xem xét các cơ hội và những hạn chế mà các sản phẩm và qui trình sản xuất khác nhau có thể đem lại cho các doanh nghiệp quy mô nhỏ.

Trong quá trình đào tạo sẽ tổ chức một chuyên đi thực địa cho học viên để trình diễn những công nghệ có liên quan hiện đang áp dụng tại các doanh nghiệp quy mô nhỏ và để giúp họ thiết lập mối liên hệ với các cơ sở và/hoặc các công ty có liên quan. Học viên cũng sẽ tranh thủ thu thập thông tin về lĩnh vực tiếp thị và phân phối, giá thành nguyên liệu và thiết bị, chi phí sản xuất và đối thủ cạnh tranh dưới sự giám sát của cán bộ đào tạo.

Trong tuần cuối cùng của khoá học, học viên sẽ chuẩn bị một kế hoạch kinh doanh trong đó tổng hợp những kiến thức về quản lý và kỹ thuật mà họ đã học được trong khoá học. Kế hoạch này là một công cụ mà họ có thể dùng làm cơ sở để hình thành hay phát triển công việc kinh doanh của họ và để tiến hành xin vay vốn.

**PHỤ LỤC 7: TÓM TẮT DỰ ÁN - CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THÍ ĐIỂM CÁC NHÀ DOANH NGHIỆP NỮ TRONG LĨNH VỰC CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM TẠI MIỀN BẮC VIỆT NAM**

---

**Ngân sách:** 432.100 USD (tài trợ của Bỉ)

**Thời gian:** 1995-1998

**Địa điểm:** Hải Phòng, Bắc Giang, Thái Bình, Hải Dương và Hưng Yên

**Mục tiêu:** Cải thiện năng lực của:

- i) Hội đồng Liên minh Các hợp tác xã Tiểu thủ công nghiệp và Doanh nghiệp sản xuất ngoài quốc doanh Hải Phòng (COHASHIP) trong việc quản lý và tổ chức đào tạo doanh nghiệp có sự tham gia của người dân.
- ii) Các nhà doanh nghiệp nữ ở miền Bắc Việt Nam, những người điều hành các cơ sở chế biến lương thực thực phẩm quy mô nhỏ và rất nhỏ, trong việc tiến hành kinh doanh một cách hiệu quả trong điều kiện thị trường tự do.

**Vấn đề sẽ giải quyết:** Việc xúc tiến các doanh nghiệp chế biến thực phẩm quy mô nhỏ là một bộ phận trong chiến lược kinh tế của Chính phủ Việt Nam. Từ năm 1986, Việt nam đã triển khai việc thực hiện các chính sách kinh tế thị trường và hiện vẫn đang trong giai đoạn quá độ. Việc phát triển ngành chế biến nông sản được chọn làm một trong số các lĩnh vực ưu tiên vì 80% dân số sống ở nông thôn gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp. Cần thiết lập các *mối liên kết trước sản xuất* để giảm bớt nhu cầu của quốc gia về việc nhập khẩu các mặt hàng chế biến và khai thác đầy đủ sự đa dạng hoá trong sản xuất nông nghiệp. Mặc dù thị trường thực phẩm chế biến đang gia tăng cùng với sự tăng trưởng kinh tế và quá trình đô thị hoá nhanh chóng, *sự cạnh tranh* giữa các cơ sở chế biến thực phẩm quy mô nhỏ ở nông thôn lại vẫn *vẫn thấp*. Các cơ sở này gặp phải nhiều trở ngại lớn, như sản phẩm có chất lượng thấp, điều kiện vệ sinh không đảm bảo, quản lý lỏng lẻo, ý tưởng về sản phẩm nghèo nàn, kỹ năng tiếp thị còn yếu và khả năng tiếp cận tín dụng bị hạn chế.

Dự án này đã giải quyết những vấn đề nêu trên bằng cách tổ chức đào tạo cho các nhà *doanh nghiệp nữ* trong lĩnh vực chế biến lương thực thực phẩm vì đây là lĩnh vực thường do phụ nữ đảm nhiệm, nhưng cũng vì: i) Khối lượng đào tạo mà các nhà doanh nghiệp nữ nhân được chưa bằng một nửa khối lượng đào tạo mà đồng nghiệp nam của họ nhân được; ii) Lương của phụ nữ làm những công việc phi nông nghiệp thấp hơn đáng kể so với lương của nam giới làm công việc tương đương; iii) ở nông thôn, so với nam giới, số giờ làm việc của phụ nữ nhiều hơn đáng kể do họ phải làm thêm việc nhà. Khái niệm dẫn đến sự hình thành dự án này là nếu gia tăng quyền lực về kinh tế cho phụ nữ nông thôn sẽ cải thiện được đời sống của họ.

**Chiến lược dự án:** Dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu, phụ nữ của 5 tỉnh ở miền Bắc Việt Nam được chọn để tham gia vào chương trình đào tạo. Chương trình đã tổ chức đào tạo ở ba cấp độ: (a) đào tạo giảng viên, (b) đào tạo thí điểm cho các nhà doanh nghiệp nữ, và (c) đào tạo ở các tỉnh. Nội dung của các khoá học gồm có đào tạo về kinh doanh và công nghệ thực phẩm, bao gồm cả vấn đề vệ sinh và bao bì sản phẩm. Đối tượng mục tiêu của khoá học là những phụ nữ làm kinh doanh ngay từ cấp hộ và những phụ nữ sở hữu doanh nghiệp qui mô nhỏ. Các hoạt động cuối cùng của dự án đã được hoàn thành vào năm 1998.

#### ***Kết quả chính:***

- 18 giảng viên đã học xong khoá Đào tạo giảng viên. Một mạng lưới nhỏ, được đánh giá tốt, đã được thiết lập gồm những giảng viên này đã có thể áp dụng phương thức đào tạo có sự tham gia của người dân vào việc tổ chức tập huấn về các môđun quản lý và công nghệ chế biến thực phẩm;
- Giáo trình đào tạo có chất lượng cao đã được xuất bản trên cơ sở khảo sát những công nghệ chế biến thực phẩm phù hợp với điều kiện Việt Nam. Các dự án hỗ trợ kỹ thuật khác (ví dụ như của GTZ và SNV) đang sử dụng các giáo trình này.
- 145 doanh nghiệp nữ đã được đào tạo. Một công trình nghiên cứu ảnh hưởng cho thấy hiệu quả kinh doanh đã được cải thiện đáng kể: i) 70% số nhà doanh nghiệp nữ đã cải thiện điều kiện vệ sinh trong sản xuất; ii) 30% số doanh nghiệp tăng được sản lượng; iii) 7,6% số doanh nghiệp đã hiện đại hoá các quy trình sản xuất; iv) 37% số doanh nghiệp tăng được thu nhập và vốn đầu tư.